



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: (0269) 3830013

Fax: (0269) 3830013

Website: [www.ghc.vn](http://www.ghc.vn)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**



**Pleiku, ngày 20 tháng 04 năm 2020**

## **Kính gửi: Quý Khách hàng, Đối tác, Cổ đông!**

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai (GHC), Tôi xin gửi tới Quý Khách hàng, Đối tác, Cổ đông lời chào trân trọng.

Kinh tế Việt Nam 2019 tiếp tục duy trì trạng thái tích cực với những điểm sáng đáng chú ý đến từ các yếu tố vĩ mô khi GDP tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao nhiều năm liền, lạm phát được kiểm soát ở mức rất thấp so với kế hoạch và dòng vốn FDI đăng ký cũng như giải ngân đạt kỷ lục trong 10 năm trở lại đây. Khu vực Công nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng khá, chuyển dịch cơ cấu nội ngành có những bước đi thực chất hơn, công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò là động lực phát triển toàn ngành và nền kinh tế. Khu vực Dịch vụ duy trì đà tăng trưởng cao, từng bước trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu.

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế giữ nhịp độ cao trong các năm gần đây, nhu cầu năng lượng phục vụ phát triển kinh tế được đánh giá là yếu tố then chốt, nếu các nhà máy điện đang chậm tiến độ vẫn tiếp tục chậm và không thể hoàn thành, khả năng thiếu hụt nguồn điện lớn sẽ xảy ra trong giai đoạn 2021-2025. Dự kiến mức thiếu hụt sẽ đạt đỉnh vào năm 2023 - 15 tỷ kWh, 2022 - 11,8 tỷ kWh, 2021 - 6,6 tỷ kWh, 2024 là 6,4 tỷ kWh và thấp nhất là năm 2025 với 1,9 tỷ kWh. Trước thực trạng về việc thiếu điện trong các năm tới và nguồn lực hữu hạn trong việc phát triển các loại hình năng lượng, cùng các tác động đến môi trường, Chính phủ đã có nhiều chính sách thể hiện cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo (NLTT), đồng thời Bộ Chính trị đã nhấn mạnh chủ trương khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hoá phát triển năng lượng trong Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 ban hành ngày 11/02/2020 vừa qua, những chính sách này tạo động lực cho các doanh nghiệp tiếp cận mạnh mẽ với lĩnh vực NLTT.

Cụ thể, trong năm 2019 chúng ta có thể thấy sự sôi động trong lĩnh vực năng lượng Việt Nam, đặc biệt là sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân trong mảng NLTT. Tính đến cuối năm 2018, Việt Nam mới có vài nhà máy năng lượng mặt trời với công suất chưa tới 100MW, tuy nhiên bước sang nửa đầu năm 2019, Năng lượng mặt trời đã có bước nhảy vọt với tổng công suất lắp máy lên tới 4.464 MW vào cuối tháng 6/2019. Tính đến cuối năm 2019, tổng công suất 8.935MW điện mặt trời được bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực. Sản lượng điện sản xuất và mua của toàn hệ thống năm 2019 đạt 231,1 tỷ kWh, tăng 8,85% so với năm 2018. Trong đó, sản lượng điện thương phẩm năm 2019 đạt 209,42 tỷ kWh, tăng 8,87% so với năm 2018.

Tuy nhiên, việc phát triển quá nhanh chóng trong một thời gian ngắn đã đặt ngành điện vào một khó khăn mới đó là vấn đề đầu nối quá tải. Các nhà máy ĐMT tại các điểm “nóng” về năng lượng tái tạo như Ninh Thuận, Bình Thuận đồng loạt phát điện trong khi công suất đường dây không đáp ứng đã gây quá tải lưới điện tại khu vực này. Nhiều nhà máy năng lượng tái tạo, kể cả ĐMT lẫn Điện gió buộc phải giảm công suất để đảm bảo việc điều độ và dự kiến việc giảm tải này sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới.

Là doanh nghiệp hoạt động trong Ngành điện, năm 2019 có thể coi là bước ngoặt trong quá trình hình thành và phát triển của GHC khi Công ty đã kịp thời chuyển mình, từ thuần túy đầu tư phát triển các Nhà máy Thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, GHC đã mở rộng đầu tư loại hình năng lượng tái tạo mới - Năng lượng điện mặt trời tại tỉnh Bình Thuận. GHC đã nắm bắt cơ hội lịch sử, đưa vào vận hành kịp thời Nhà máy Điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 trong tháng 4/2019, thể hiện sự linh hoạt của công ty trong việc tận dụng chính sách khuyến khích của nhà nước và thích

ứng với các thách thức mới. Đây là minh chứng rõ nét cho định hướng phát triển đúng đắn – phát triển bền vững mà Công ty đang đeo đuổi.

Để báo cáo rõ hơn, Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với quý vị Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai. Chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua, cũng như chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Thủy điện Gia Lai trong giai đoạn tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành với Công ty, qua đây Tôi xin gửi lời tri ân tới toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty vì những nỗ lực hết mình đóng góp vào thành quả chung của GHC trong những năm qua và cùng hướng đến thành công mới trong năm 2020.

Trân trọng cảm ơn,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
CHỦ TỊCH  
  
NGUYỄN THÁI HÀ 

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b> .....	4
	Thông tin khái quát.....	4
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	8
	Định hướng phát triển.....	11
	Các rủi ro.....	13
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019</b> .....	15
	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.....	15
	Tổ chức và nhân sự.....	15
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	20
	Tình hình tài chính.....	21
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	22
	Báo cáo tác động đến môi trường, xã hội.....	23
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	29
	Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.....	29
	Tình hình tài chính.....	31
	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.....	32
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	36
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	36
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	37
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	39
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	42
	Cơ cấu Hội đồng quản trị.....	42
	Những thay đổi của Hội đồng quản trị trong năm 2019.....	48
	Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....	48
	Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019.....	49
	Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị năm 2019.....	52
<b>VI.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	54



**PHẦN A:**  
**THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**
- Tên giao dịch Tiếng Anh : GIA LAI HYDRO POWER JSC
- Tên viết tắt : **GHC**
- Ngày thành lập : 02/06/2008
- Giấy CNĐKDN : Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23/05/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/04/2019.
- Vốn điều lệ : 205.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm tỷ đồng)
- Địa chỉ : 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (0269) 383 0013
- Fax : (0269) 383 0013
- Website : [www.ghc.vn](http://www.ghc.vn)
- Mã cổ phiếu : **GHC**



### Quá trình hình thành và phát triển:

14/03/2002	Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai được thành lập theo Hợp đồng kinh tế số 01-14-03-2002/PC3-ĐGL-01 giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng công ty điện lực miền Trung) và Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần điện Gia Lai), với tổng vốn điều lệ 6 tỷ đồng.
Tháng 8/2006	Hoàn thành đưa vào sử dụng Nhà máy thủy điện H'Chan, công suất 12 MW tại Xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.
02/06/2008	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển điện Gia Lai đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
Tháng 03/2009	Công ty chính thức đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN
Tháng 11/2009	Tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng
Tháng 11/2010	Hoàn thành đưa vào sử dụng Nhà máy thủy điện H'Mun, công suất 16,2 MW tại xã Bar Maih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.
Ngày 26/04/2011	Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ngày 28/10/2014	Tăng vốn điều lệ thực góp lên 205 tỷ đồng
Tháng 4/2019	Hoàn thành đưa vào sử dụng Nhà máy điện Mặt trời TTC Hàm Phú 2, công suất 49 MWp tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận



## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- ❖ **Ngành nghề kinh doanh:** Theo giấy CNĐKDN thì lĩnh vực kinh doanh đăng ký của Công ty như sau:

Stt	Tên ngành
1	Sửa chữa thiết bị điện
2	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3	Sản xuất truyền tải và phân phối điện
4	Xây dựng nhà các loại
5	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
6	Xây dựng công trình thủy lợi
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
8	Lắp đặt hệ thống điện
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
10	Bán buôn thực phẩm
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
12	Bán buôn máy, móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
13	Vận tải hành khách đường bộ khác
14	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
15	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
16	Hoạt động tư vấn quản lý
17	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
18	Cho thuê xe có động cơ
19	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
20	Trồng cây có hạt chứa dầu
21	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
22	Trồng cây hàng năm khác
23	Trồng cây ăn quả
24	Trồng cây lấy quả chứa dầu
25	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
26	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, huou, nai
27	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
28	Chăn nuôi gia cầm
29	Chăn nuôi khác
30	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
31	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
32	Trồng cây lấy củ có chất bột
33	Trồng cây mía
34	Trồng cây lấy sợi
35	Trồng cây có hạt chứa dầu
36	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
37	Trồng cây lâu năm khác



- ❖ **Địa bàn hoạt động:** Hiện nay hoạt động sản xuất chính của Công ty là đầu tư xây dựng các dự án Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ và Nhà máy điện mặt trời, với nguồn doanh thu chủ yếu từ vận hành sản xuất điện năng của các nhà máy sản xuất điện, bao gồm:



### **Nhà máy thủy điện TTC H'Chan**

Công suất: **12 MW**

Địa chỉ: xã Ê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Nhà máy được khởi công xây dựng từ năm 2002 và hoàn thành đưa vào khai thác vận hành từ tháng 09/2006 với sản lượng điện trung bình hàng năm là 55 triệu kWh.



### **Nhà máy thủy điện TTC H'Mun**

Công suất: **16,2 MW**

Địa chỉ: xã Bar Maih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Nhà máy được chính thức thi công xây dựng vào tháng 08/2007. Đến ngày 02/01/2011, nhà máy thủy điện H'Mun chính thức khánh thành, với sản lượng điện trung bình hàng năm là 66 triệu kWh.



### **Nhà máy Điện Mặt trời TTC Hàm Phú 2**

Công suất: **49 MWp**

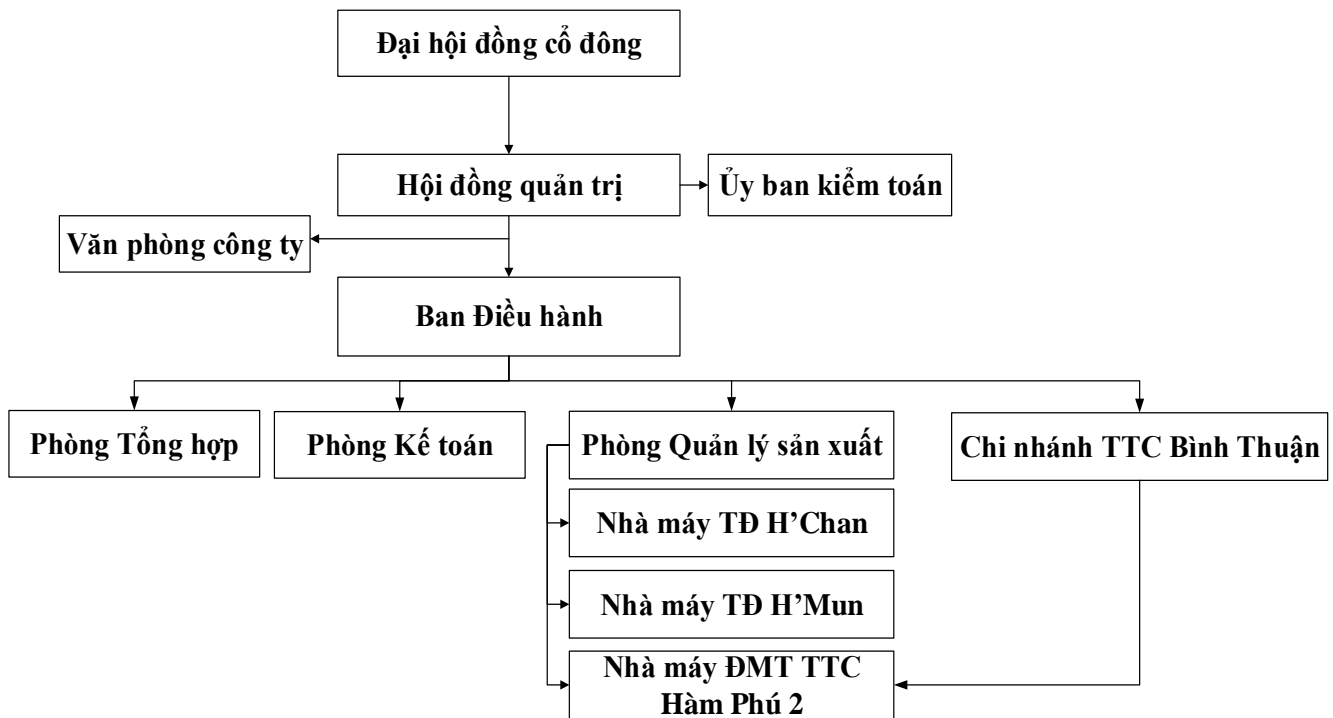
Địa chỉ: xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận.

Nhà máy được chính thức thi công xây dựng vào 31/07/2018. Đến ngày 21/04/2019, nhà máy điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 chính thức khánh thành, với sản lượng điện trung bình hàng năm là 76 triệu kWh.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty

3.1. **Mô hình quản trị:** Hiện tại Công ty đang áp dụng mô hình quản trị Công ty Cổ phần đại chúng quy mô lớn, không có Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

#### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

#### ➤ **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

#### ➤ **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

#### ➤ **Ủy ban kiểm toán:**

Là một đơn vị do HĐQT thành lập, gồm các chức năng sau:

- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.
- Tham mưu cho HĐQT trong công tác hoàn thiện Hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.
- Tham mưu cho HĐQT đánh giá năng lực và tính độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập.
- Tham mưu các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

➤ **Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 02 thành viên: 01 Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

➤ **Các đơn vị/ phòng ban nghiệp vụ:** phụ trách lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp theo từng thời kỳ. Lĩnh vực có chức năng giám sát lĩnh vực khác thì không được tổ chức thuộc cùng một Đơn vị.

**Các phòng/ban nghiệp vụ Công ty bao gồm:**

- **Phòng Quản lý sản xuất:** tổ chức quản lý điều hành sản xuất, quản lý kỹ thuật, quản lý hoạt động kinh doanh điện và quản lý các nhà máy điện, đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn, hiệu quả theo kế hoạch sản lượng hàng năm của Công ty.
- **Văn phòng Công ty:** thực hiện công tác thư ký trợ lý, quản lý cổ đông, cổ phần của công ty và công tác chính sách đảm bảo pháp lý phục vụ hoạt động quản lý, điều hành Công ty.
- **Phòng Kế toán:** Thực hiện công tác kế hoạch tài chính cho công ty, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của Công ty, lập các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản lý và theo chế độ quy định.
- **Phòng tổng hợp:** chịu trách nhiệm các hoạt động liên quan đến nhân sự, đào tạo, hành chính, quản lý tài sản Công ty.

**Tổ chức bộ máy vận hành theo nguyên tắc:**

- ✓ Quản trị: tập trung – chuẩn mực
- ✓ Kiểm soát: độc lập – trách nhiệm
- ✓ Điều hành: phân cấp – chuyên nghiệp



### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

#### ➤ *Hội đồng quản trị:*



**Bà Nguyễn Thái Hà**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Ông Hà Quốc Kiệt**  
**Thành viên HĐQT**



**Ông Nguyễn Đình Tuấn**  
**Thành viên HĐQT**



**Ông Hà Nguyên Hoàng**  
**Thành viên HĐQT**



**Ông Mai Văn Nhớ**  
**Thành viên HĐQT**  
**kiêm Phụ trách UBKT**

#### ➤ *Ban Điều hành*



**Ông Trịnh Vinh Thanh**  
**Giám đốc Công ty**



**Ông Nguyễn Tiến Bằng**  
**Kế toán trưởng**



## 4. Định hướng phát triển

**4.1** Mục tiêu trở thành tổ chức tư nhân hàng đầu về năng lượng tại Việt Nam, góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng từ giải pháp Năng lượng sạch, phục vụ cộng đồng và bảo vệ môi trường xã hội.

**4.2** Chiến lược phát triển: Phát triển đồng bộ các loại hình năng lượng, tối ưu ứng dụng khoa học công nghệ đảm bảo hiệu quả sản xuất cao nhất, đem lại lợi ích tốt nhất cho nhà đầu tư, bên cạnh đó không ngừng chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, hướng đến phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ cùng với cộng đồng địa phương và xã hội.

**4.3** Cụ thể hoá bằng kế hoạch hành động:

Ý thức được các cơ hội phát triển của Ngành Năng lượng, nắm bắt được các thời cơ cần thiết để đẩy nhanh việc phát triển công suất, nhưng đi cùng đó - cũng là nhận diện được các thách thức trong “câu chuyện phát triển NLTT”, Công ty đang lượng hóa các yếu tố tác động đến mục tiêu, chiến lược phát triển từ đó đề ra kế hoạch hành động thực thi trên cơ sở:

- (1) Cân bằng bài toán phát triển nhanh nhưng đảm bảo hiệu quả đầu tư,
- (2) Hải hòa việc tự phát triển dự án/xây dựng các công trình với việc M&A cả với Điện mặt trời và Thủy điện,
- (3) Hợp lý hóa các nguồn doanh thu từ các hoạt động Thủy điện, Điện mặt trời khi có các tác động thời tiết;
- (4) Cải tiến công nghệ phù hợp với tình hình vận hành thực tế, đảm bảo mục tiêu O&M hiệu quả cho các nhà máy Thủy điện và Điện mặt trời





Cụ thể:

- + Thủy điện: Tập trung vận hành hiệu quả các nhà máy hiện hữu, hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, quy trình, quy định hướng dẫn vận hành hiệu quả. Kiểm soát chi phí vận hành, tối ưu sản xuất. Phát huy tối đa công suất giờ cao điểm, gia tăng doanh thu. Đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, nâng công suất, gia tăng hiệu quả hoạt động của các Nhà máy Thủy điện.
- + Điện mặt trời: Tối ưu hoạt động các nhà máy ĐMT hiện tại, phối hợp với các chuyên gia, xây dựng đội ngũ kỹ sư quản lý vận hành (O&M) lành nghề. Giám sát liên tục vận hành để phân tích dữ liệu, cảnh báo cũng như đánh giá về các rủi ro tương lai và kinh nghiệm để triển khai, quản lý vận hành các dự án sắp tới của Công ty. Đầu tư hệ thống ĐMT Áp mái kết hợp nông nghiệp để tối ưu hóa nguồn thu và được áp dụng giá bán ưu đãi.
- Xác định được yếu tố con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công của GHC, Công ty không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường.
- Phối hợp với Công đoàn Công ty, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CBNV để theo sát đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, hiệu quả, chính sách chế độ phù hợp từ đó nâng cao tình gắn kết giữa Công ty – Công đoàn và Người lao động, tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả công việc.
- Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty cũng như chú trọng cập nhật website của Công ty, tăng tính tiệm cận với đối tác, khách hàng, nhà đầu tư.
- Bên cạnh việc chú trọng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ phát huy hơn nữa tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ, trong cộng đồng vì sứ mệnh: Doanh nghiệp vì cộng đồng phát triển địa phương.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, thực hiện tối ưu hóa chi phí trong sản xuất kinh doanh. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng trên cơ sở phát huy các giá trị truyền thống của ngành điện, tạo môi trường làm việc lành mạnh để người lao động thêm gắn bó với Công ty.



## **5. Các rủi ro:**

### **5.1 Rủi ro pháp lý, chính sách:**

- Các quy định pháp lý Ngành Điện có tác động đáng kể khi các doanh nghiệp trong Ngành chịu sự quản lý chặt chẽ từ Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Đơn vị trực thuộc (điều độ, truyền tải...). Khả năng mở rộng đầu tư cũng như giá bán điện và sản lượng đầu ra đều đang chịu sự chi phối của hệ thống pháp lý, chính sách hiện hữu.
- Đặc biệt đối với lĩnh vực Điện mặt trời – lĩnh vực mới của ngành điện, trong khi hệ thống văn bản hướng dẫn đang hoàn thiện, rủi ro do sự đầu tư ồ ạt dẫn đến dư thừa nguồn cung, quá tải lưới điện dẫn đến buộc phải cắt giảm công suất và sự thay đổi chính sách liên quan đến cơ chế giá, cơ chế đấu thầu phát triển ĐMT ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của GHC.
- Rủi ro pháp lý trong hoạt động có thể kể đến: Rủi ro pháp lý do tranh chấp hợp đồng, rủi ro liên quan đến sở hữu trí tuệ, rủi ro pháp lý do nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, hành chính...
- Các rủi ro pháp lý trong những năm vừa qua nhìn chung là không cao do mục tiêu đáp ứng nhu cầu điện cho nền kinh tế đang ngày càng cấp thiết và đảm bảo an ninh Năng lượng của Chính phủ trong khi nguồn cung trong nước còn nhiều hạn chế.
- Trong những năm tới, khi thị trường cạnh tranh bán buôn chính thức đi vào vận hành, hệ thống pháp lý Ngành Điện sẽ có những thay đổi phù hợp đối với các quy định về vận hành thị trường điện, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của GHC.
- Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của GHC chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách khác bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, chính sách thuế...
- GHC là Công ty Cổ phần Đại chúng quy mô lớn, do đó còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, quy định của cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

### **5.2 Rủi ro về lãi suất và thanh khoản:**

- Việc đẩy mạnh đầu tư các dự án Năng lượng tái tạo: điện mặt trời có thể gây áp lực đến dòng tiền thanh toán nợ vay, lãi vay và tình hình thanh khoản khi các dự án chưa đến thời điểm hoàn vốn đầu tư.
- Tài trợ bằng nợ vay, nếu có sự gia tăng về lãi suất vay nợ thì rủi ro lãi suất sẽ tác động đến chi phí hoạt động tài chính của Công ty, ảnh hưởng đến KQKD trong kỳ nếu không giới hạn biên độ dao động của lãi suất vay.

### **5.3 Rủi ro vận hành:**

- Các nhà máy sản xuất điện là công trình quan trọng liên quan đến an ninh Năng lượng quốc gia, đóng vai trò cung cấp nguồn Năng lượng cho tất cả các thành phần kinh tế và nhu cầu xã hội

- Trong bối cảnh nhu cầu Năng lượng ngày càng gia tăng, nếu nhà máy điện gặp sự cố gián đoạn vận hành, sản xuất sẽ gây ảnh hưởng đến sự ổn định của nguồn cung cấp và dẫn đến thiếu hụt nguồn điện, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung
- Các rủi ro liên quan đến cháy, nổ và các tổn thất vật lý khác sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản. Việc tiếp xúc với nguồn Năng lượng điện cũng đặt người lao động vào các rủi ro về an toàn lao động. Vì vậy người lao động tại các nhà máy điện phải luôn trang bị đầy đủ chuyên môn, kinh nghiệm cũng như các biện pháp an toàn lao động nhằm hạn chế tối đa các thiệt hại về con người
- Hiện nay các nhà máy sản xuất điện của GHC có quy mô vừa và nhỏ, chiếm tỷ trọng không quá lớn trong tổng công suất nguồn điện của cả nước. Các rủi ro vận hành đa số sẽ tác động chủ yếu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của GHC, không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động cung cấp điện của Ngành.

#### **5.4 Rủi ro về an toàn thông tin:**

Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp 4.0, với việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý, các thông tin được lưu trữ trên phần cứng và không gian mạng.

Trong quá trình giao dịch với đối tác, nhà cung cấp hoặc hoạt động hàng ngày của GHC sẽ phát sinh nhiều thông tin liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính... Những thông tin này cần phải được bảo vệ đúng mực để không bị khai thác, sử dụng trái phép, ảnh hưởng đến chiến lược hoạt động của GHC. Việc để lộ bí mật kinh doanh, thông tin khách hàng, nhà cung cấp, các Bên liên quan sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của GHC, gây mất lòng tin và có thể gây thiệt hại cho các Bên, giảm uy tín thương hiệu của GHC.

#### **5.5 Rủi ro tác động đến môi trường và xã hội:**

- Các dự án Năng lượng như Thủy điện, Điện mặt trời... ngoài việc đóng góp lớn cho an ninh Năng lượng quốc gia thì cũng tiềm ẩn rủi ro tác động đến Môi trường, Xã hội cũng mang tầm ảnh hưởng nhất định.
- Đối với các dự án vận hành hiện hữu, các rủi ro chính bao gồm:
  - + Thủy điện: Vấn đề dòng chảy môi trường, các tác động từ bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn và xói mòn
  - + Điện mặt trời: rủi ro có thể đến từ việc xử lý các tấm pin Năng lượng Mặt trời khi suy giảm hiệu suất
- Đối với phát triển dự án mới sẽ xảy ra những rủi ro về an toàn, an ninh cộng đồng và sức khỏe nghề nghiệp, rủi ro chuyển đổi môi trường sống và dẫn đến mất đa dạng sinh học:
  - + Thủy điện: Nạn phá rừng trong quá trình giải phóng mặt bằng, đường vào và đường dây truyền tải, thay đổi thủy văn sông (giảm dòng chảy, rào cản) trong quá trình vận hành ...
  - + Điện mặt trời: Các tác động có thể được giới hạn trong giải phóng mặt bằng cho Nhà máy, đường vào và đường truyền...

**PHẦN B:**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019**

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2019	So sánh (%) TH/KH 2019
A	B	C	1	2	3=2/1
1	<b>Điện thương phẩm</b>	tr kWh	<b>155,91</b>	<b>141,42</b>	<b>90,71%</b>
2	<b>Tổng doanh thu</b>	tỷ đ	<b>227,80</b>	<b>245,97</b>	<b>107,98%</b>
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	227,80	244,24	107,22%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	0	1,31	0,00%
	<i>Thu nhập khác</i>	tỷ đ	0	0,42	0,00%
3	<b>Tổng chi phí</b>	tỷ đ	<b>118,42</b>	<b>144,61</b>	<b>122,11%</b>
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	82,69	103,52	125,19%
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ	28,04	32,36	115,41%
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	7,69	8,65	112,51%
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		0,08	0,00%
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đ	<b>109,38</b>	<b>101,36</b>	<b>92,67%</b>
5	Thuế TNDN	tỷ đ	8,55	6,60	77,19%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	tỷ đ	<b>100,83</b>	<b>94,76</b>	<b>93,98%</b>

**2. Tổ chức và nhân sự:**

**2.1. Danh sách Ban Điều hành:**



**Ông Trịnh Vinh Thanh**  
Giám đốc Công ty



**Ông Nguyễn Tiến Bằng**  
Kế toán trưởng

## 2.2. Sơ yếu lý lịch:

### ❖ Giám đốc công ty:

Họ và tên:	<b>Trịnh Vinh Thanh</b>
Ngày tháng năm sinh:	08/05/1977
CMND:	Số: 230511171, ngày cấp: 11/12/2010, nơi cấp: Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Hoàng Văn Thái, Phường Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
<i>Năm 2000</i>	<i>Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng</i>
<i>Từ năm 2000 đến 30/5/2001</i>	<i>Làm việc tại XN tư doanh Hoàng Anh Gia Lai</i>
<i>Từ 01/06/2001 đến tháng 4/2002</i>	<i>Làm việc tại NMTĐ A yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 5/2002 đến 10/2004</i>	<i>Làm việc tại Phòng Kỹ thuật – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 11/2004 đến 10/2005</i>	<i>Trạm phó thủy điện A Yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 11/2005 đến 10/2010</i>	<i>Phó phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 10/2010 đến 31/12/2012</i>	<i>Phó phòng Quản lý sản xuất – Công ty CP Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 01/01/2013 đến nay</i>	<i>Phó phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ ngày 01/7/2016 đến 31/12/2016</i>	<i>Quyền trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ ngày 01/01/2017 đến 2018</i>	<i>Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ 2019 đến nay</i>	<i>Giám đốc Kinh doanh – Công ty CP Điện Gia Lai</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc kinh doanh – Công ty CP Điện Gia Lai
Số cổ phần nắm giữ:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

❖ **Kế toán trưởng**

Họ và tên: **Nguyễn Tiến Bằng**

Ngày tháng năm sinh: 29/06/1986

Nơi sinh: Pleiku – Gia Lai

CMND: 230623797 Ngày cấp: 09/09/2019 Nơi cấp: Gia Lai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: 75 Tôn Thất Thuyết, phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

*Từ 09/2008 đến 05/2014* *Nhân viên kế toán - Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai*

*Từ 05/2017 đến 10/2016* *Chuyên viên Kế toán quản trị - Công ty cổ phần Điện Gia Lai*

*Từ 05/2014 đến 10/2015* *Kế toán trưởng - Công ty TNHH GKC*

*Từ 11/2016 đến nay* *Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai*

*Từ 08/2019 đến nay* *Kế toán trưởng – Trưởng phòng kế toán Công ty CP thủy điện Gia Lai*

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ :

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 2.3. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị thống nhất điều chỉnh nhân sự Ban Điều hành Công ty đảm bảo điều hành xuyên suốt hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

- + Thống nhất miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Võ Thị Tuyết Diệp và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai đối với Ông Nguyễn Tiến Bằng, kể từ ngày 15/08/2019.
- + Thống nhất miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai đối với Ông Hồ Quý Tri Thức, kể từ ngày 02/12/2019.

### 2.4. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2019:

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2019: 73 CBNV.**

Cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân loại theo trình độ</b>			
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	0	0
2	Cán bộ có trình độ đại học	22	30,1
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	39	53,4
4	Nhân viên kỹ thuật	04	5,5
5	Lao động phổ thông/lao động khác	08	11,0
<b>Phân loại theo phòng ban chức năng</b>			
1	Ban Giám đốc	01	1,37
2	Văn phòng công ty	03	4,11
3	Phòng Tổng hợp	04	5,48
4	Phòng kế toán	02	2,74
5	Phòng Quản lý sản xuất	58	79,45
6	Chi nhánh TTC Bình Thuận	05	6,85
<b>Tổng cộng</b>		<b>73</b>	<b>100</b>

➤ **Chính sách lương, thưởng:**

- Tiền lương bình quân người lao động toàn Công ty trong năm 2019 là 11,4 tr.đồng/người/tháng.
- Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả CBNV Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn thực hiện chi trả lương bổ sung, lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm cho CBNV.

- Chính sách lương thưởng: Đối với CBNV Khối sản xuất Công ty áp dụng chính sách trả lương khoán theo doanh thu, CBNV khối văn phòng hưởng lương theo chức danh công việc.
- Ngoài mức lương khoán, Công ty khuyến khích người lao động bằng khoán thưởng vào ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt và các chính sách phúc lợi, trợ cấp bao gồm: trợ cấp ốm đau, thai sản, tặng quà hoặc hiện kim ngày sinh nhật, kết hôn...và các chế độ khác áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- Đồng thời, thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.
- Quan tâm đến chế độ, đời sống CBNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

➤ **Hoạt động đào tạo người lao động:**

- Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.
- Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn và các kỹ năng mềm bằng cách thức phù hợp như đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

➤ **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể CBNV.
- Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBNV được tham gia khám sức khỏe, tham quan du lịch. Phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa, văn nghệ, chăm lo đời sống tinh thần cho CBNV.

➤ **Chính sách tuyển dụng nhân sự:**

- Cơ sở cho hoạt động tuyển dụng của Công ty chính là quy trình tuyển dụng công khai, công bằng đối với tất cả các ứng viên. Để tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn Nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty áp dụng các chế độ đãi ngộ đối với những nhân sự làm việc xa xứ nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc của CBNV. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương.
- Bên cạnh công tác tuyển dụng nhân sự truyền thống, hiện nay, Công ty thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua các hoạt động tuyển sinh.



### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Công tác triển khai dự án đầu tư:

- Trong năm 2019, Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 đã đóng điện thành công và đưa vào vận hành thương mại từ ngày 21/04/2019, sớm hơn 9 ngày so với kế hoạch EPC là 30/4/2019.
- Công tác pháp lý dự án: Đến ngày 13/08/2019, dự án điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 đã hoàn thành đầy đủ hồ sơ pháp lý dự án tuân thủ theo Quy định đảm bảo các thủ tục phục vụ vận hành thương mại.
- Về công tác đất đai:
  - + Đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 557806 – mục đích sử dụng: đất công trình năng lượng, thời hạn sử dụng: 03/03/2059, công trình xây dựng khác: Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 công suất 49Mwp;
  - + Văn bản số 206/KH-UBND ngày 01/11/2019 của UBND Huyện Hàm Thuận Bắc về kế hoạch thực hiện thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2, huyện Hàm Thuận Bắc- Hạng mục: móng trụ đường dây 110kV.
- Về công tác quyết toán dự án: Đã phát hành Báo cáo Kiểm toán độc lập về dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 ngày 30/11/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá AFA. Kết quả kiểm toán như sau:
  - + TMĐT được duyệt (tỷ VNĐ sau thuế) : 1.017 tỷ đồng
  - + Tổng giá trị QT (tỷ VNĐ sau thuế) : 979 tỷ đồng
  - + % tiết giảm : 3,8%

#### 3.2 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không



#### 4. Tình hình tài chính của Công ty năm 2019:

Năm 2019 là năm đánh dấu sự thành công và trưởng thành vượt bậc của GHC, theo đó, việc đưa vào vận hành kinh doanh từ tháng 4/2019 và hoàn thành công tác quyết toán dự án Hàm Phú 2 trong năm 2019 đã làm cho tổng tài sản, nguồn vốn của GHC tăng 143,6% lên mức 1.128 tỷ đồng, bằng 94% so với KH đặt ra. Nguồn thu từ hoạt động thủy điện tuy có giảm so với cùng kỳ năm 2018 nhưng ổn định đã đáp ứng được nguồn vốn SXKD. Nguồn vốn đầu tư dự án Hàm Phú 2 được tài trợ bằng 2 nguồn chính là vốn tự có và nguồn vốn vay ngân hàng mà không cần huy động thêm nguồn tài trợ nào khác cho thấy sự vững mạnh về nguồn vốn của GHC.

##### 4.1. Báo cáo tình hình tài chính:

DVT: tr.đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2018	KH 2019	TH 2019	% tăng giảm CK	Tăng giảm TH/KH
1	Tổng giá trị tài sản	463.088	1.200.000	1.128.088	143,60%	-5,99%
2	Doanh thu thuần	156.091	227.800	244.238	56,47%	7,22%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	109.944	109.380	101.017	-8.11%	-7,65%
4	Lợi nhuận khác	(334)		345	-203,15%	
5	Lợi nhuận trước thuế	109.611	109.380	101.362	-7,53%	-7,33%
6	Lợi nhuận sau thuế	100.684	100.830	94.762	-5,88%	-6,02%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,00467	0,00492	0,00434	-7,05%	-11,82%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	35%	35%	16,67%	0,00%

- Tổng tài sản đạt 94% kế hoạch do việc đầu tư dự án Hàm Phú 2 có giá trị quyết toán thấp hơn TMĐT dự kiến ban đầu
- Doanh thu thuần tăng 7,22% do ghi nhận doanh thu ĐMT Hàm Phú 2 đưa vào vận hành kinh doanh sớm hơn 2 tháng so với kế hoạch ban đầu.
- Lợi nhuận trước thuế giảm do việc ghi nhận chi phí giá vốn của ĐMT HP2, cũng như chi phí lãi vay từ việc vay vốn đầu tư dự án.

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Tình hình tài chính của Công ty tốt, thực hiện công tác thu hồi công nợ bán điện kịp thời, đảm bảo thanh khoản của Công ty. Các chỉ số thanh toán đáp ứng kịp thời trong việc thanh toán các khoản nợ. Các chỉ số ROS, ROE trong năm 2019 đều cao, ở mức ổn định.

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,94	0,86
- Hệ số thanh toán nhanh	0,92	0,84
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,24	0,68
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,31	2,14
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,36	0,31
- Vòng quay hàng tồn kho	22,56	48,86
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	0,65	0,39
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,29	0,26
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	0,22	0,08
- Hệ số lợi nhuận HĐKD/DTT	0,70	0,41

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. **Cổ phần:** Đến thời điểm 31/12/2019, cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần : 20.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.500.000 cổ phần

5.2. **Cơ cấu cổ đông:** Đến thời điểm 31/12/2019

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng CĐ	Tổng cộng	Tỷ lệ %
I	<b>TỔ CHỨC</b>		<b>10</b>	<b>12.985.660</b>	<b>63,34</b>
1	Tổ chức trong nước	CP	4	12.549.960	61,22
2	Tổ chức nước ngoài	CP	6	435.700	2,13
II	<b>CÁ NHÂN</b>		<b>3,886</b>	<b>7.514.340</b>	<b>36,65</b>
1	Trong nước	CP	3876	7.487.574	36,52
2	Nước ngoài	CP	10	26.766	0,13
III	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3,896</b>	<b>20.500.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2019

TT	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Điện Gia Lai	5900181213	114 Trường Chinh, TP Pleiku, Gia Lai	11.919.364	58,14
	<b>Cộng</b>			<b>11.919.364</b>	<b>58,14</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai chốt ngày 31/12/2019)

5.3. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không

5.4. **Các chứng khoán khác:** không



## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội công ty.

Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu và mang tính thời đại vì nó đang diễn ra với tốc độ nhanh hơn nhiều so với hành động của con người. Điều này ảnh hưởng đến sự Phát triển bền vững và thịnh vượng của trái đất, bao gồm Việt Nam - Quốc gia dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu. Để giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính là một trong những nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu, Việt Nam đang thực hiện 1 cuộc cách mạng về chính sách Năng lượng, chuyển dịch cơ cấu Năng lượng trong đó hướng đến ưu tiên sử dụng các nguồn Năng lượng sạch - NLTT.

GHC đang đẩy mạnh triển khai các dự án năng lượng sạch là thế mạnh để có những đóng góp tích cực cho an ninh Năng lượng Quốc gia, chống lại biến đổi khí hậu và giảm khí thải nhà kính trong bối cảnh nhu cầu Năng lượng tăng nhanh và nguồn cung nhiên liệu hóa thạch như dầu, than đá cho sản xuất Điện ngày càng cạn kiệt.

### 6.1 Quản lý nguồn vật liệu.

#### Mục tiêu quản trị:

Việt Nam được đánh giá là Quốc gia có nhiều tiềm năng để phát triển NLTT với đường bờ biển dài, đặc thù khí hậu nhiệt đới gió mùa, có thời gian nắng nhiều trong năm với cường độ bức xạ lớn ở các khu vực miền Trung, miền Nam. Mặc dù nắng và gió là những nguồn tài nguyên có sẵn trong tự nhiên và thủy năng là nguồn tài nguyên tái tạo, tuy nhiên hạn chế của những nguồn NLTT này là phụ thuộc vào thời tiết, theo mùa và từng thời điểm trong ngày. Việc đa dạng hóa các loại hình Năng lượng để ổn định bù đắp và cân đối nguồn doanh thu trong điều kiện biến đổi khí hậu là chiến lược phù hợp và cần thiết.

#### Triển khai thực hiện:

Để tối thiểu hóa ảnh hưởng từ sự không ổn định của sản lượng điện phát ra, GHC thực hiện đa dạng hóa các loại hình Năng lượng, phát triển đồng thời Thủy điện, ĐMT, Áp mái.

Công ty chủ động lập kế hoạch tối ưu hóa sản xuất dựa trên các dự báo khí tượng thủy văn, tình hình thời tiết, đặc tính vận hành và thời gian hoạt động thực tế của các nhà máy và nhu cầu sử dụng điện để đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định. Đặc biệt đối với các dự án Điện mặt trời, Điện mái nhà, các dự án của GHC luôn được thẩm định kỹ, vị trí các dự án được đặt tại các khu vực có số giờ nắng từ cao đến rất cao và tỷ lệ bức xạ từ tiềm năng đến rất tiềm năng đảm bảo hiệu suất phát điện.

### 6.2 Năng lượng:

#### Mục tiêu quản trị:

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn tài nguyên là một trong những vấn đề lớn đã và đang làm thay đổi các hệ sinh thái tự nhiên, đời sống kinh tế - xã hội.

GHC ý thức được trách nhiệm thông qua việc đẩy mạnh đa dạng hóa các loại hình Năng lượng xanh, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất điện, đóng góp tích cực cho an ninh Năng lượng quốc gia.

#### Triển khai thực hiện:

- GHC nỗ lực gia tăng sản lượng điện phục vụ cho nhu cầu phát triển xã hội bằng việc triển khai đầu tư phát triển các dự án Điện năng lượng tái tạo.



- Tuân thủ các quy định của Pháp luật, ngành điện, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng.
  - Dự kiến trong năm 2020, GHC sẽ nỗ lực đạt mục tiêu xây dựng và đưa vào vận hành thêm các dự án điện mặt trời áp mái với tổng công suất dự kiến là 10MWp. Bên cạnh đó, GHC đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm thất thoát điện năng như Tăng cường công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng, ngăn ngừa sự cố lưới điện; Hoàn thiện và tăng cường khai thác hệ thống SCADA ở các cấp điều độ.
  - Do phạm vi hoạt động ngày càng rộng nên một phần năng lượng tiêu thụ tại các nhà máy của GHC vẫn được mua từ EVN. Để giảm thiểu lượng điện năng được mua từ EVN, trong kế hoạch sắp tới các nhà máy dự kiến cũng sẽ lắp đặt điện mặt trời áp mái phục vụ cho điện tự dùng tại các nhà máy.
- ✚ Đánh giá tiêu thụ nước: Việc quản lý và vận hành các NMTĐ của GHC có thể sẽ gây ra những tác động nhất định đến chế độ thủy văn và hệ sinh thái, hoạt động kinh tế - xã hội trên các lưu vực sông.

Công ty đang kiểm soát tốt các vấn đề quản lý nguồn nước thông qua:

- Thực hiện báo cáo giám sát chất lượng nước 4 lần/năm tại các NMTĐ cho Cơ quan Nhà nước.
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho các NM ĐMT và thực hiện báo cáo hàng năm về Cơ quan Nhà nước.
- Chủ động quản lý, duy trì dòng chảy tối thiểu của khu vực.

❖ *Lượng nước đầu vào theo nguồn.*

Tùy thuộc vào đặc thù hoạt động mà nhu cầu lượng nước sử dụng cho các NMTĐ và ĐMT sẽ khác nhau.

Đối với các NMTĐ: Nước là nguyên liệu đầu vào chính cho hoạt động sản xuất với nguyên lý là tận dụng thế năng tại các sông, suối để sản xuất điện. Do đó, nguồn nước ở các khu vực này hầu như không bị tác động về chất lượng khi tham gia vào quá trình sản xuất điện. Hàng năm, GHC đều thực hiện giám sát chất lượng nước 4 lần/năm ở các khu vực hồ chứa và khu vực phía sau nhà máy để đảm bảo chất lượng nguồn nước, không gây ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng địa phương. Trong năm 2019, Công ty không có bất kỳ sự cố, vi phạm nào liên quan đến việc ảnh hưởng chất lượng nguồn nước.

Đối với các NM ĐMT: Các NM ĐMT được xây dựng ở những vùng thời tiết khắc nghiệt, số giờ nắng cao để đảm bảo hiệu suất phát điện. Do đó, nguồn nước sử dụng chủ yếu là nước ngầm nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và vệ sinh các tấm pin. Tất cả nhà máy đều có giấy phép khai thác nước ngầm và hàng năm báo cáo về Cơ quan quản lý Nhà nước. Ngoài ra, các NM ĐMT của Công ty đều bố trí xây dựng các hồ điều hòa trong khuôn viên, kết nối trực tiếp với hệ thống cống dẫn nước mưa để thu gom và dự trữ nguồn nước tự nhiên này cho các hoạt động của nhà máy như rửa tấm pin và tạo cảnh quan.

❖ *Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào*

Thủy điện là một trong những nguồn Năng lượng quan trọng đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh mặt tích cực, các dự án Thủy điện cũng ít nhiều ảnh hưởng đến

dòng chảy các dòng sông và chế độ tưới tiêu canh tác của cộng đồng khu vực hạ lưu. Với phương châm phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, các NMTĐ của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong giấy phép nước mặt như:

- Nước chạy máy của các NMTĐ đều được trả về hạ lưu sau nhà máy;
- Vào mùa khô, các nhà máy luôn tuân thủ duy trì xả dòng chảy tối thiểu sau đập nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên của lưu vực.

Trong năm 2020, Công ty dự kiến sẽ lắp đặt các trạm quan trắc đo khí tượng thủy văn, đo mực nước nhà máy H'Chan, H'Mun để chủ động trong việc điều tiết lưu lượng cho hoạt động vận hành phát điện, duy trì ổn định sản lượng nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu nước tưới tiêu cho hoạt động canh tác của người dân. Tổng giá trị đầu tư cho 2 trạm khí tượng thủy văn này ước tính khoảng 300 triệu đồng.

### 6.3 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

#### a. Đa dạng sinh học:

- ✚ **Mục tiêu quản trị:** Bảo tồn đa dạng sinh học hiện đang là vấn đề cấp thiết đối với Quốc gia trong bối cảnh dân số cả nước không ngừng gia tăng kéo theo việc khai thác tài nguyên quá mức, sự đánh đổi giữa bảo vệ môi trường và ưu tiên phát triển kinh tế

GHC chú trọng đến việc bảo vệ đa dạng sinh học trong từng bước phát triển dự án, đảm bảo hài hòa giữa 3 yếu tố Tăng trưởng kinh tế bền vững - Bảo vệ hệ sinh thái - Gắn kết xã hội

- ✚ **Triển khai thực hiện:**

Tại GHC, 100% các dự án của Công ty đều được đánh giá đa dạng sinh học nhằm tránh tác động đến môi trường sống và ảnh hưởng đến những loài bị đe dọa. Bên cạnh đó, Trong năm 2019 Công ty đã chi 3,1 tỷ đồng cho phí dịch vụ môi trường rừng của các NMTĐ.

GHC thực hiện đánh giá đa dạng sinh học thông qua công cụ IBAT (Integrated Biodiversity Assessment Tool). Công cụ này hỗ trợ giảm ảnh hưởng đến các khu bảo tồn và những loài có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng, nhằm đảm bảo các khía cạnh môi trường, xã hội và đa dạng sinh học được cân nhắc trong quá trình ra quyết định đầu tư.

#### b. Phát thải:

- ✚ **Mục tiêu quản trị:** Biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ, trái đất đang phải đối mặt với các nguy cơ đến từ hiệu ứng khí nhà kính, băng tan, mực nước biển dâng lên...

Theo kết quả kiểm kê Quốc gia về khí nhà kính mới nhất được thực hiện vào năm 2014 của Cục Biến đổi khí hậu, Năng lượng là lĩnh vực phát thải lớn nhất. GHC kiên định trong việc chuyển mình, mạnh dạn đầu tư, phát triển lĩnh vực NLTT, mở rộng đầu tư sang ĐMT, Áp mái... góp phần giảm phát thải nhà kính

- ✚ **Triển khai thực hiện:**

GHC thực hiện nguyên tắc áp dụng nguyên tắc 3R (Reduce, Reused, Recycle) trong quản lý chất thải; thứ tự ưu tiên là Giảm thiểu, Tái sử dụng và Tái chế. Các chất thải đặc biệt là chất thải nguy hại được quản lý, giảm thiểu phát sinh và được tiêu hủy đúng quy định.

### c. Nước thải và chất thải:

Do đặc thù sản xuất nên lượng nước thải và rác thải sinh hoạt phát sinh hàng năm của GHC không đáng kể.

#### ❖ *Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm thải*

Đối với lĩnh vực sản xuất ĐMT, lượng nước thải phát sinh rất ít, chủ yếu đến từ nước thải sinh hoạt của CBNV vận hành nhà máy. Đây là loại nước thải có tính chất ô nhiễm đơn giản; theo quy định đối với lưu lượng nước thải dưới 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm thì phương án xử lý được áp dụng phổ biến hiện nay là qua bể tự hoại trước khi thoát ra môi trường. Mặc dù vậy, Công ty vẫn rất quan tâm đến chất lượng nước thải đầu ra của các nhà máy và tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhằm đảm bảo công tác bảo vệ môi trường. Cụ thể năm 2019, GHC đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho NMĐMT Hàm Phú 2 với công suất ~2 m<sup>3</sup>/ngày đêm sử dụng công nghệ xử lý sinh học đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường. Hệ thống vận hành xử lý Nước thải đạt theo yêu cầu Pháp luật hiện hành theo QCVN 40:2011/BTNMT

#### ❖ *Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý:* Công ty Quản trị vấn đề Chất thải theo Nghị định 38/2015/BTNMT về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý Chất thải nguy hại; đảm bảo Chất thải khi đưa vào Môi trường phải đạt quy chuẩn Môi trường đã cam kết.

- ✓ **Chất thải sinh hoạt:** Hầu hết các nhà máy điện của GHC phát triển tại các khu vực vùng sâu vùng xa, chưa phát triển hệ thống thu gom rác sinh hoạt công cộng. Để giảm thiểu tác động của lượng rác thải phát sinh, các nhà máy đã thực hiện bố trí các khu vực lưu trữ rác theo quy định hiện hành và định kỳ xử lý bằng phương pháp thiêu đốt tại các điểm xa khu dân cư, nguồn nước nhằm tránh gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh.
- ✓ **Chất thải nguy hại:** Về chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình làm việc như dầu thủy lực Tuabin, các thùng phuy đựng dầu, ắc quy hư... đều được thu gom, phân loại và dán nhãn, sau đó lưu chứa tại kho chất thải nguy hại của mỗi nhà máy. Mỗi năm Công ty đều hợp đồng với đơn vị bên ngoài đủ năng lực để thu gom số chất thải nguy hại này đem đi xử lý.

### 6.4 Chính sách liên quan đến người lao động:

✚ **Mục tiêu quản trị:** Phát triển nguồn nhân lực cả về chất và lượng, chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm cũng như tâm huyết với nghề, là nội lực, đòn bẩy cho sự phát triển bền vững.

#### ✚ **Triển khai thực hiện:**

- Phát triển nguồn nhân lực hiệu quả với chính sách lương thưởng và đãi ngộ hợp lý, tăng cường sự gắn bó: không ngừng bổ sung, cập nhật, đổi mới các chính sách liên quan đến (1) Chế độ lương thưởng hấp dẫn (2) Chế độ phúc lợi phù hợp (3) Môi trường làm việc chuyên nghiệp (4) Văn hóa công ty gắn kết (5) Cơ hội phát triển cho nhân viên (6) Phân công công việc phù hợp, đúng chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ (7) Kiểm soát các yếu tố tác động bên ngoài và (8) Mối quan hệ giữa các cấp, quan hệ đồng nghiệp.
- Đảm bảo đãi ngộ công bằng: áp dụng cân bằng giữa 2 yếu tố Giá trị con người và Giá trị công việc: Chọn con người cho công việc - Định lượng công việc để đưa ra mức lương, thưởng phù hợp đảm bảo sự công bằng.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài với những nhóm chương trình chính căn cứ vào nhu cầu hoạt động theo từng thời kỳ.
- Tiếp tục phát huy môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết và phối hợp trong công việc, GHC còn tổ chức các lớp Kỹ năng mềm nhằm phát triển mối quan hệ trong công việc, đảm bảo quản lý có kỹ năng, điều hành công việc hiệu quả, phân công đúng người, đúng việc, khuyến khích các cấp quản lý chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với nhân viên, tạo sự gắn gũi cao nhất trong mối quan hệ giữa cấp trên và nhân viên.
- Xây dựng quy tắc ứng xử chuẩn mực - là sự thể hiện Văn hóa Công ty, theo đó hướng đến một môi trường làm việc chuyên nghiệp nhưng không kém phần thân thiện, tạo động lực phát triển và cống hiến cho toàn thể CBNV. Văn hóa GHC được thể hiện ở nhiều lĩnh vực từ việc tuân thủ các quy định 5S Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng để xây dựng một môi trường làm việc văn minh, sạch sẽ, góp phần nâng cao hiệu suất lao động; đến các quy tắc trong giao tiếp ứng xử, cũng như quy định tác phong đối với CBVN. Tất cả sẽ cùng cộng hưởng tạo nên một môi trường lý tưởng của các nhân tài trong Ngành Năng lượng, hòa nhập và gắn bó cùng nhau trên con đường phát triển bền vững của Công ty

### **6.5 Báo các liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

**✚ Mục tiêu quản trị:** ngoài kinh doanh hiệu quả thì việc tạo ra những giá trị bền vững, lâu dài cho các Bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng địa phương cũng là một trọng điểm trong mục tiêu quản trị, điều hành của Công ty. Các nhà máy điện của GHC đều đặt tại khu vực kinh tế chậm phát triển, vùng sâu vùng xa với mong muốn cùng với sự hình thành các dự án công nghiệp sẽ góp phần vào kích thích tăng trưởng kinh tế và cơ sở hạ tầng địa phương

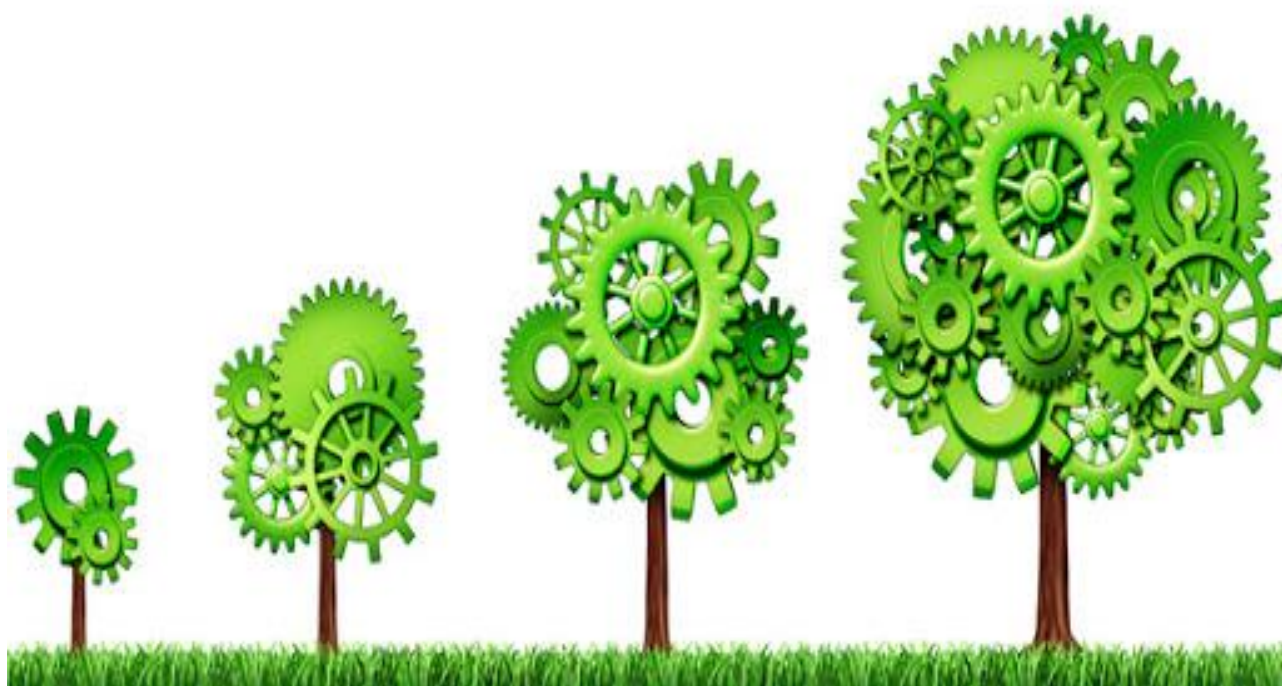
#### **✚ Triển khai thực hiện:**

- GHC công bố công khai các thông tin liên quan (tuyển dụng, các ảnh hưởng của dự án, cơ chế tiếp nhận khiếu nại...) và làm việc với chính quyền địa phương để hiểu được mong muốn của người dân nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến môi trường và xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương
- Trong suốt quá trình vận hành, GHC luôn đảm bảo việc vận hành các nhà máy an toàn, tránh gây ra các sự cố gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định Pháp luật tránh gây ảnh hưởng đến an ninh khu vực
- Tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội góp phần phát triển Địa phương, trong năm 2019, GHC đã tham gia đóng góp và các chương trình phát triển cộng đồng địa phương dựa trên nhu cầu, kêu gọi của các cộng đồng địa phương với số tiền khoảng 1,96 tỷ đồng, bao gồm:
  - + Xây dựng đoạn đường phục vụ dân sinh từ UBND xã Bar Maih vào làng Drah 2 huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai;
  - + Thực hiện tặng quà cho đồng bào nghèo các xã Đê Ar, Bar Maih tại 02 nhà máy Thủy điện H'Chan, H'Mun;
  - + Đóng góp vào quỹ khuyến học “Tiếp bước cho em đến trường” tỉnh Bình Thuận năm 2019.



### **6.6 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

- Thực hiện chủ trương của Chính phủ về tăng trưởng xanh, Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai đã triển khai các biện pháp nhằm xanh hóa sản xuất, đẩy mạnh đầu tư các dự án phát triển năng lượng tái tạo tạo tiền đề vững chắc để phát triển bền vững.
- Chú trọng ứng dụng Công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm:
  - + Triển khai đào tạo và đưa vào sử dụng ứng dụng phần mềm ERP, ứng dụng Eoffice phục vụ công tác quản lý, điều hành.
  - + Cải tạo ngăn lộ 375 - Diên Hồng, 174 - Chư Sê, 372, 274, 376, 378 - Trà Bá đảm bảo theo yêu cầu của Điện lực để chuyển sang chế độ không người trực.
  - + Lắp đặt hệ thống camera tại các nhà máy phục vụ công tác giám sát sản xuất kinh doanh.



## PHẦN C:

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Trong năm 2019, hiện tượng thời tiết El Nino đã có tác động rõ rệt lên khu vực Miền Trung và Tây Nguyên đặc biệt là khu vực đầu nguồn sông Ayun làm cho lượng mưa ở các khu vực này thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm (lượng mưa trung bình năm 2019 là 1900mm-2100mm trong khi mọi năm là 2300-2500mm). Thủy văn bất lợi, hạn hán, lưu lượng nước thấp dẫn đến kết quả hoạt động thủy điện sụt giảm mạnh so với cùng kỳ.

Việc đưa vào vận hành Nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2 trong tháng 4/2019 đã bù đắp kịp thời phần thiếu hụt sản lượng từ thủy điện, góp phần đưa doanh thu bán điện năm 2019 lên 245,97 tỷ đồng vượt 7.98% so với kế hoạch đề ra.

#### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2019	So sánh (%) TH/KH 2019
A	B	C	1	2	3=2/1
1	<b>Điện thương phẩm</b>	tr kWh	<b>155,91</b>	<b>141,42</b>	<b>90,71%</b>
2	<b>Tổng doanh thu</b>	tỷ đ	<b>227,80</b>	<b>245,97</b>	<b>107,98%</b>
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	227,80	244,24	107,22%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	0	1,31	0,00%
	<i>Thu nhập khác</i>	tỷ đ	0	0,42	0,00%
3	<b>Tổng chi phí</b>	tỷ đ	<b>118,42</b>	<b>144,61</b>	<b>122,11%</b>
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	82,69	103,52	125,19%
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ	28,04	32,36	115,41%
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	7,69	8,65	112,51%
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		0,08	0,00%
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đ	<b>109,38</b>	<b>101,36</b>	<b>92,67%</b>
5	Thuế TNDN	tỷ đ	8,55	6,60	77,19%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	tỷ đ	<b>100,83</b>	<b>94,76</b>	<b>93,98%</b>



#### ❖ **Kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2019:**

- Bám sát tiến độ triển khai dự án, hoàn thiện các thủ tục pháp lý dự án, pháp lý vận hành, đảm bảo đưa dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 vận hành đúng/sớm tiến độ.
- Theo dõi, giám sát công tác quản lý, vận hành có hiệu quả các thiết bị trong dây truyền sản xuất điện, đảm bảo an toàn cho con người, thiết bị, đáp ứng phương thức vận hành của hệ thống theo thị trường.
- Thực hiện tốt phương thức và biểu đồ công suất của điều độ cấp trên, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra đảm bảo đưa thiết bị trở lại vận hành một cách nhanh nhất, thực hiện các phương thức vận hành đảm bảo cung cấp nước cho vụ đông xuân vùng hạ du. Đảm bảo số lượng các tổ máy được huy động theo lịch biểu kế hoạch, đáp ứng công suất phát và chạy bù theo yêu cầu huy động.
- Luôn chủ động trong công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị, thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và vận hành thiết bị cơ điện nhà máy, trạm biến áp, đường dây và các hạng mục công trình thủy công... đảm bảo các nhà máy vận hành liên tục, không để sự cố do chủ quan xảy ra;
- Thực hiện phương án phối hợp để đảm bảo để nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa doanh thu của các nhà máy sản xuất điện;
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đến các Sở Ban ngành để đảm bảo công tác vận hành theo đúng quy định của pháp luật;
- Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho tất cả các vị trí trong Công ty để đáp ứng theo yêu cầu công việc mới, đặc biệt đảm bảo nhân sự tại Nhà máy Điện mặt trời Hàm Phú 2 có đầy đủ chuyên môn, kỹ thuật để quản lý vận hành hiệu quả.
- Ứng dụng Công nghệ thông tin vào quản lý điều hành, cải thiện môi trường làm việc theo tiêu chuẩn 5S với tiêu chí tinh gọn, tự động, thân thiện, hiệu quả.
- Song song với việc kiểm soát chi phí, chủ động tìm kiếm, làm việc với các tổ chức tín dụng để tối ưu tài chính đảm bảo hoạt động triển khai dự án và sản xuất vận hành của Công ty.
- Bám sát các nội dung công việc do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.
- Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh, nhằm tối đa hoá lợi nhuận.
- Công tác quản trị, minh bạch hoá của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại các Thông tư, Nghị định mới như Thông tư 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐCP hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng... Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được kiểm toán bởi các đơn vị kiểm toán hàng đầu, phản ánh trung thực tình hình sản xuất của Công ty.



## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

DVT: VND

Chỉ tiêu	2018	2019
A. Tài sản ngắn hạn	103.442.777.125	85.473.886.081
B. Tài sản dài hạn	359.645.706.414	1.042.614.231.082
<b>C. Tổng tài sản</b>	<b>463.088.483.539</b>	<b>1.128.088.117.163</b>
D. Nợ phải trả	110.416.769.049	768.514.153.371
E. Nguồn vốn chủ sở hữu	352.671.714.490	359.573.963.792
<b>F. Tổng nguồn vốn</b>	<b>463.088.483.539</b>	<b>1.128.088.117.163</b>

### 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,94	0,86
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,92	0,84
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,24	0,68
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,31	2,14
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	22,56	48,86
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,36	0,31
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,65	0,39
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,26
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,22	0,08
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,70	0,41

### 2.3. Tình hình nợ phải trả:

DVT: VND

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>110.416.769.049</b>	<b>99.039.441.739</b>
+ Phải trả người bán ngắn hạn	38.913.147.225	30.564.544.858
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.510.220.643	3.910.087.066
+ Phải trả người lao động	85.893.562	107.366.625
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	161.951.325	1.335.964.453
+ Phải trả ngắn hạn khác	4.824.709.404	4.100.559.424
+ Vay ngắn hạn	49.986.984.250	43.680.000.000
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.933.862.640	15.340.919.313
<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>669.474.711.632</b>
+ Vay dài hạn	0	669.474.711.632

### 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 dự kiến như sau:

#### 3.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2020 dự kiến:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020	TH 2019	So sánh (%) KH2020/TH 2019
A	B	C	1	2	3=1/2
1	<b>Điện thương phẩm</b>	tr kWh	<b>189,72</b>	<b>141,42</b>	<b>134,16%</b>
	NM TĐ H'Chan	tr kWh	51,04	39,38	129,62%
	NM TĐ H'Mun	tr kWh	62,49	47,43	131,73%
	NM ĐMT TTC Hàm Phú 2	tr kWh	76,19	54,60	139,54%
2	<b>Tổng doanh thu</b>	tỷ đ	<b>312,01</b>	<b>245,97</b>	<b>126,85%</b>
2.1	<b>Doanh thu bán điện</b>	tỷ đ	<b>310,08</b>	<b>244,24</b>	<b>126,96%</b>
	NMTĐ H'Chan	tỷ đ	64,57	56,73	113,82%
	NMTĐ H'Mun	tỷ đ	80,23	69,47	115,48%
	NM ĐMT TTC Hàm Phú 2	tỷ đ	165,28	118,03	140,03%
2.2	<b>Doanh thu tài chính</b>	tỷ đ	<b>1,93</b>	<b>1,31</b>	<b>147,58%</b>
2.3	<b>Thu nhập khác</b>	tỷ đ		<b>0,42</b>	<b>0,00%</b>
3	<b>Tổng chi phí</b>	tỷ đ	<b>202,15</b>	<b>144,61</b>	<b>139,80%</b>
3.1	<b>Giá vốn hàng bán</b>	tỷ đ	<b>126,79</b>	<b>103,52</b>	<b>122,48%</b>
	NMTĐ H'Chan	tỷ đ	24,72	24,51	100,85%
	NMTĐ H'Mun	tỷ đ	36,92	37,82	97,62%
	NM ĐMT TTC Hàm Phú 2	tỷ đ	65,15	41,19	158,19%
3.2	<b>Chi phí tài chính</b>	tỷ đ	<b>67,10</b>	<b>32,36</b>	<b>207,36%</b>
3.3	<b>Chi phí quản lý DN</b>	tỷ đ	<b>8,26</b>	<b>8,65</b>	<b>95,48%</b>
3.4	<b>Chi phí khác</b>	tỷ đ		<b>0,08</b>	<b>0,00%</b>
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đ	<b>109,86</b>	<b>101,36</b>	<b>108,38%</b>
5	Thuế TNDN	tỷ đ	8,46	6,60	128,17%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	tỷ đ	<b>101,40</b>	<b>94,76</b>	<b>107,01%</b>

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 chính thức sẽ được ĐHĐCĐ 2020 thông qua

#### 3.2. Giải pháp thực hiện:

❖ Công tác phục vụ sản xuất:

✓ Vận hành Nhà máy thủy điện:

- Với kỳ vọng điều kiện thời tiết bất lợi sẽ kết thúc vào cuối năm 2019, các nhà máy thủy điện sẽ đạt mức sản lượng bình quân các năm, đây là một kế hoạch khá thách thức đối với hoạt động sản xuất của Nhà máy thủy điện trước những biến động phức tạp hiện nay của thời tiết. Dự báo diễn biến thời tiết, từ đó chủ động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, linh hoạt triển khai sửa chữa và cân đối ngân sách phù hợp.
- Tiên quyết tiến độ hoàn thành dự án nâng cấp NMTĐ H'Chan & H'Mun trong Quý II/2020 nâng công suất phát điện hai nhà máy tăng doanh thu.
- Đánh giá và triển khai thực hiện M&A các dự án đã vận hành nhằm khai thác tối ưu nguồn lực, tăng doanh thu thủy điện theo chủ trương được ĐHĐCĐ thông qua.

- Tăng cường công tác kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, các hạng mục công trình thủy công và đường dây truyền tải điện. Bảo đảm các nhà máy hoạt động thường xuyên, liên tục, không để xảy ra sự cố do chủ quan gây ra. Đồng thời căn cứ thực tế vận hành đánh giá ưu tiên các hạng mục sửa chữa từ đó có kế hoạch thực hiện sửa chữa kịp thời, hiệu quả.
- Bám sát kế hoạch sửa chữa năm 2020 được duyệt, kiểm soát chi phí sửa chữa năm 2020 tối đa ở mức KH 16,15 tỷ đồng, (đã bao gồm các hạng mục tối ưu hóa vận hành đảm bảo tối ưu doanh thu giờ cao điểm), mục tiêu tiết giảm 10%.
- Tham gia các cuộc họp chuyên đề cùng Hội đồng Khoa học các công trình thủy công để thảo luận các phương án tối ưu hoạt động các nhà máy thủy điện.
- Vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện, bám sát tình hình phụ tải, diễn biến thời tiết - thủy văn và sẵn sàng ứng phó với các tình huống bất lợi. Sẵn sàng các phương án phòng chống bão lụt, đảm bảo an toàn hồ đập và công trình thủy điện, đảm bảo an toàn cho vùng hạ du trong mùa mưa bão.
- Chủ động trong công tác phối hợp với NMTĐ Ayun Thượng 1A, Ayun Trung để tăng hiệu quả phát điện của nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun.

✓ *Vận hành Nhà máy điện mặt trời:*

- Phối hợp với phòng O&M thực hiện các công tác quản lý vận hành nhà máy đạt hiệu quả cao nhất.
- Xử lý dứt điểm sự cố đứt cầu chì, đảm bảo vận hành nhà máy được liên tục.
- Tăng cường công tác bảo trì bảo dưỡng các thiết bị tại nhà máy, giám sát thường xuyên công tác cắt cỏ, vệ sinh tấm pin để đảm bảo hiệu suất phát điện cao nhất.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi chế độ vận hành hệ thống thiết bị để kịp thời xử lý các bất thường, sự cố phát sinh.
- Thường xuyên tổ chức và tham gia các cuộc họp chuyên đề vận hành các Nhà máy điện mặt trời, xây dựng cảm nang xử lý sự cố, phổ biến đến mọi CBNV nhà máy.
- Tổ chức các buổi hướng dẫn, đào tạo nâng cao tay nghề, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, vận hành và xử lý sự cố.
- Rà soát, đánh giá các sự cố đã xảy ra trong năm 2019 để có phương án xử lý kịp thời nhằm giảm thiểu tối đa việc sự cố ảnh hưởng đến doanh thu nhà máy.
- Bám sát kế hoạch sửa chữa năm 2020 được duyệt, kiểm soát chi phí sửa chữa năm 2020 tối đa ở mức KH 11.45 tỷ đồng, mục tiêu tiết giảm 10%.

✓ *Triển khai các dự án rooftop kết hợp nông nghiệp:*

- Tiếp tục tìm kiếm, phát triển quỹ đất khoảng 3ha để đầu tư xây dựng trang trại nông nghiệp kết hợp điện mặt trời áp mái dưới 1MW, phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được bổ sung thêm lĩnh vực phát triển nông nghiệp, trong năm 2020 sẽ thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư, mở rộng hợp tác đầu tư với các đơn vị, cá nhân có nhu cầu để phát triển các dự án rooftop kết hợp với nông nghiệp, quy mô dự kiến 10MWp, góp phần tăng sản lượng điện tăng doanh thu.

❖ *Hoạt động quản lý, hỗ trợ:*



✓ *Công tác tài chính, kế toán:*

- Chủ động, đôn đốc công tác thu hồi công nợ (nội bộ, khách hàng) đặc biệt là công nợ bán điện để đảm bảo thanh khoản công ty, tăng hiệu quả hoạt động tài chính.
- Chủ động, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh để xây dựng, đề xuất điều chỉnh kế hoạch ngân sách phù hợp, chính xác.
- Điều phối nguồn vốn hiệu quả đảm bảo cho hoạt động của Công ty và đáp ứng nhu cầu cho các dự án triển khai trong năm 2020 và các dự án M&A, đầu tư xây dựng mới phù hợp với tiến độ tăng vốn điều lệ cho công ty lên 461,25 tỷ đồng trong quý 2/2020.
- Tăng cường tìm kiếm các đối tác, tổ chức tín dụng để tài trợ vốn cho các dự án mới.
- Thực hiện vai trò quản lý ngành dọc, xuyên suốt đối với công tác kế toán, tài chính của Chi nhánh.
- Cân đối thanh khoản để trả nợ gốc và lãi các nguồn vốn đã vay, thực hiện các nghĩa vụ thuế, lương thưởng cho NLD đúng hạn, sử dụng nguồn tiền một cách tối ưu, mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty, người lao động và Cổ đông.
- Tiếp tục đảm bảo công tác chi trả cổ tức cho các cổ đông nhỏ lẻ.
- Thường xuyên tham gia các lớp đào tạo, tự cập nhật các quyết định, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kế toán thuế để đảm bảo hoạt động của công tác Kế toán, thuế.
- Thực hiện đúng các quy định hiện hành về chế độ Kế toán, thuế, công bố thông tin ...

✓ *Công tác nhân sự:*

- Tối ưu nguồn nhân lực đảm bảo công tác quản lý điều hành xuyên suốt.
- Điều chỉnh cơ chế lương phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty đồng thời đảm bảo thu nhập cho người lao động theo chủ trương chung GEC Group.
- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng theo nhu cầu phát triển của Công ty theo kế hoạch tăng vốn và đầu tư dự án năm 2020.
- Chú trọng, tăng cường công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo triển khai dự án, đào tạo chuyên môn, thực hiện các chứng chỉ theo yêu cầu ngành.
- Tổ chức các buổi đào tạo, chia sẻ nội bộ để phổ biến đến CBNV Công ty các Văn bản quy định mới của Công ty, Pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ tay nghề... để CBNV nắm được, thực thi hiệu quả.
- Phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, đề tài nghiên cứu khoa học, khuyến khích và biểu dương các cá nhân có thành tích đóng góp cho Công ty
- Thực hiện vai trò quản lý ngành dọc, xuyên suốt đối với công tác nhân sự của Chi nhánh, đảm bảo tương tác thường xuyên và hỗ trợ kịp thời.

✓ *Công tác hành chính – mua hàng:*

- Tăng cường công tác kiểm kê, kiểm tra, quản lý tài sản, trang cấp, sửa chữa kịp thời đảm bảo điều kiện làm việc và môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp theo tiêu chuẩn 5S cho toàn thể CBNV Công ty.

- Triển khai mua sắm kịp thời căn cứ trên nhu cầu của các đơn vị và mức độ ưu tiên của hạng mục mua sắm. Xây dựng danh mục mua sắm tập trung và danh mục tự thực hiện để chủ động mua sắm và xây dựng kế hoạch mua sắm phù hợp.
  - Thực hiện vai trò quản lý ngành dọc, xuyên suốt đối với công tác hành chính của Chi nhánh, đảm bảo hỗ trợ kịp thời.
  - Cập nhật và hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn công tác Hành chính, mua sắm, quản lý tài sản.
  - Phối hợp tổ chức thành công các sự kiện của Công ty đảm bảo chuyên nghiệp, hiệu quả.
- ✓ *Công tác Văn phòng:*
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và các cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường (nếu có).
  - Hoàn thành công tác phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành ESOP theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2019.
  - Phát huy công tác tham mưu, trình ký, cầu nối giữa Ban Lãnh đạo và các Phòng/ban/ đơn vị nội bộ Công ty và bên ngoài.
  - Hoàn thành công bố thông tin theo Quy định của Công ty và Pháp luật.
  - Hoàn thiện data dữ liệu quản lý cổ đông, xem xét triển khai phần mềm quản lý cổ đông, đảm bảo quản lý thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật kịp thời.
- ✓ *Công tác chính sách, pháp chế:*
- Làm việc với các Sở ngành để đẩy nhanh công tác cấp Giấy chứng nhận tài sản cho các nhà máy thủy điện.
  - Thực hiện thủ tục gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực của NM ĐMT TTC Hàm Phú 2 (dự kiến hết hạn vào tháng 4/2020).
  - Bổ sung các VBLQ liên quan hướng dẫn công tác triển khai dự án, công tác vận hành tại các nhà máy điện.
  - Hoàn thiện hệ thống Phân quyền, uỷ quyền phù hợp với tình hình thực tế của công ty, Tiếp tục cập nhật, sửa đổi một số Văn bản lập quy cần thiết đảm bảo hướng dẫn đầy đủ mọi hoạt động của Công ty
- ✓ *Công tác khác:*
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống ERP theo nhu cầu sử dụng thực tế.
  - Tăng cường thực hiện các biện pháp tuân thủ tiêu chuẩn EHSS và vấn đề dòng chảy môi trường tại các NMTĐ.
  - Tiếp tục thực hiện các công tác phúc lợi xã hội tại địa phương nhằm duy trì và phát triển bền vững các mối quan hệ tốt đẹp với địa phương trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế công ty.
  - Tăng cường các hoạt động đoàn thể trong nội bộ công ty để nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa CBNV.



## PHẦN D:

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

#### **Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội:**

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường.
- Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức đặc biệt thời tiết diễn biến khó lường, tình hình dịch bệnh phức tạp gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của nhiều lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh.
- Xác định năm 2019 là năm “bứt phá” phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, giải pháp để hỗ trợ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất.
- GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành.
- Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều năng lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) năm 2019 đạt 6,07. Bình quân giai đoạn 2016-2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015.

#### **Đối với Ngành điện:**

- Từ cuối năm 2018 tới nay, hiện tượng thời tiết El Nino đã có tác động rõ rệt lên khu vực Miền Trung và Tây Nguyên đặc biệt là khu vực đầu nguồn sông Ayun làm cho lượng mưa ở các khu vực này thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm (lượng mưa trung bình năm 2019 là 1900mm-2100mm trong khi mọi năm là 2300-2500mm). Thủy văn bất lợi, hạn hán, lưu lượng nước thấp là tình hình chung dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thủy điện sụt giảm mạnh so với cùng kỳ. Trong khi đó, Năng lượng mặt trời phát triển nhanh nhưng bắt đầu chững lại. Tính đến cuối năm 2018, Việt Nam mới có vài nhà máy năng lượng mặt trời với công suất chưa tới 100MW. Tuy nhiên bước sang nửa đầu năm 2019, Năng lượng mặt trời đã có bước nhảy vọt với tổng công suất lắp máy lên tới 4.464 MW vào cuối tháng 6/2019. Tính đến cuối năm 2019, tổng công suất 8.935MW điện mặt trời bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực. Việc tăng trưởng nhanh chóng của thị trường điện năng lượng mặt trời trong khi hệ thống cơ sở hạ tầng chưa cải thiện kịp thời đã dẫn đến vấn đề quá tải đầu nối hệ thống điện quốc gia. Ngày 16/12/2019 Bộ Công Thương đã có văn bản số 9608/BCT-ĐL về việc tạm dừng đề xuất, thỏa thuận đối với các dự án điện mặt trời theo cơ chế giá khuyến khích cố định (FIT). Sau đó, Văn phòng Thủ tướng đã đưa ra dự thảo số 10170 ngày 31/12/2019 về quyết định của Thủ tướng Chính Phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện

mặt trời tại Việt Nam. Theo dự thảo, chỉ các dự án điện mặt trời đã kí kết hợp đồng mua bán điện sau 30/06/2019 và đi vào vận hành trong năm 2020 được hưởng cơ chế giá cố định FiT2 là 7.09cents/kWh đối với các dự án điện mặt trời trên mặt đất và 7.69cents/kWh đối với các dự án điện mặt trời nổi. Các dự án điện mặt trời áp mái vận hành sau 30/06/2019, theo dự thảo, cũng chỉ được hưởng mức giá 8.38cents/kWh so với giá trước đó là 9.35cents/kWh.

- Theo ghi nhận của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA), mức tiêu thụ năng lượng tăng mạnh trong những năm gần đây, đặc biệt tại khu vực châu Á. Riêng Việt Nam, dự báo từ nay cho đến năm 2030, để đáp ứng tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, ngành năng lượng cần đạt được tốc độ tăng trưởng 10%, tương đương 500 tỷ kWh điện thương phẩm cho thấy nhu cầu điện năng vẫn rất lớn so với nguồn lực sản xuất hiện hành.

#### **Đánh giá hoạt động Công ty:**

- Nắm bắt chủ trương của Chính phủ, tiềm năng phát triển nguồn NLTT, GHC đã mạnh dạn tìm hiểu, nghiên cứu, đầu tư và linh hoạt các nguồn lực nhằm đẩy nhanh đầu tư NLTT, nhờ bước chuyển mình mạnh mẽ và kịp thời, trong năm 2019 khi thời tiết tiêu cực ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất thủy điện, Công ty vẫn hoàn thành vượt mức doanh thu kế hoạch đề ra và cố gắng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch khác, cụ thể:

### **KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019**

**Đvt: Tỷ đồng**

<b>TT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>KH 2019</b>	<b>TH 2019</b>	<b>So sánh (%) TH/KH 2019</b>
1	Tổng doanh thu	227,80	245,97	107,98%
2	Tổng chi phí	118,42	144,61	122,11%
3	Lợi nhuận trước thuế	109,38	101,36	92,67%
4	Lợi nhuận sau thuế	100,83	94,76	93,98%

- Tổng doanh thu của GHC năm 2019 đạt gần 246 tỷ đồng vượt 7,98% so với kế hoạch do Nhà máy điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 được đưa vào vận hành sớm hơn dự kiến tăng sản lượng điện và doanh thu phát điện bù đắp phần thiếu hụt của Thủy điện do hạn hán kéo dài.
- Bên cạnh đó, những tháng cuối năm, sau khi dự án Hàm Phú 2 đi vào hoạt động, nguồn tiền nhàn rỗi thu được từ SXKD của Công ty đã được huy động cho các đơn vị vay vốn hoặc gửi tiết kiệm có kỳ hạn làm cho doanh thu tài chính tăng.
- Chi phí giá vốn và chi phí tài chính của dự án HP2 ghi nhận sớm hơn so với tiến độ dự kiến do đó LNST 2019 đạt 94,76 tỷ đồng bằng 93,98% so với kế hoạch.

#### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

- Trong năm 2019, ngoài các phiên họp định kỳ, bất thường, HĐQT còn thường xuyên dự các phiên họp giao ban mở rộng với Ban điều hành nhằm kịp thời hỗ trợ và đưa ra các chính sách, chủ trương đáp ứng cho công tác quản trị, điều hành của Công ty. Ngoài ra HĐQT dựa trên các báo cáo kiểm tra của Ủy ban kiểm toán để đánh giá tính tuân thủ của Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng và kế hoạch của ĐHCĐ và HĐQT, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc các

nhệm vụ được giao trong năm 2019, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty.

- Dưới sự chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh và tài chính năm 2019, bao gồm:
  - ✓ Triển khai và đưa vào khai thác hiệu quả Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC Hàm Phú 2 trong tháng 4/2019.
  - ✓ Tổ chức vận hành hiệu quả các nhà máy sản xuất điện của Công ty. Kiểm soát vận hành thường xuyên, kịp thời xử lý các sự cố phát sinh đảm bảo tồn thất doanh thu và sản lượng thấp nhất.
  - ✓ Tối ưu chi phí hoạt động, phù hợp với tình hình sản xuất thực tế. Kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản được thực hiện và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty.
- Các thành viên Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty. Các quyết định của Ban Giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời.
- Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đã có nhiều thay đổi để nâng tầm quản trị doanh nghiệp gắn liền với phát triển bền vững và có trách nhiệm xã hội. Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự khẩn cần thiết để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Sự phối hợp hoạt động và tinh thần đoàn kết nội bộ của cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp; thân thiện và gắn kết, tạo tiền đề cho Công ty thực hiện các mục tiêu của ĐHCĐ và HĐQT đề ra.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đã đạt được kết quả như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2019	So sánh (%) TH/KH 2019
A	B	C	1	2	3=2/1
1	<b>Điện thương phẩm</b>	<b>tr kWh</b>	<b>155,91</b>	<b>141,42</b>	<b>90,71%</b>
2	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>227,80</b>	<b>245,97</b>	<b>107,98%</b>
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	227,80	244,24	107,22%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	0	1,31	0,00%
	<i>Thu nhập khác</i>	tỷ đ	0	0,42	0,00%
3	<b>Tổng chi phí</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>118,42</b>	<b>144,61</b>	<b>122,11%</b>
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	82,69	103,52	125,19%
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ	28,04	32,36	115,41%
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	7,69	8,65	112,51%
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		0,08	0,00%
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>109,38</b>	<b>101,36</b>	<b>92,67%</b>
5	Thuế TNDN	tỷ đ	8,55	6,60	77,19%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>100,83</b>	<b>94,76</b>	<b>93,98%</b>

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2020:**

Dự báo năm 2020, tình hình thời tiết cực đoan khó lường, khô hạn kéo dài gây bất lợi cho hoạt động thủy điện. Bên cạnh đó từ cuối năm 2019 đầu năm 2020, dịch bệnh bùng phát toàn cầu gây ảnh hưởng lớn đến mọi mặt đời sống, kinh tế, xã hội trong và ngoài nước. Đặc biệt nền kinh tế và thị trường tài chính kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề, thị trường chứng khoán bất ổn. Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 ngày 05/12/2019, trong năm 2020 Công ty triển khai phát hành cổ phiếu tăng vốn. Trước tình hình kinh tế xã hội bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID 19, để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2020 thì HĐQT đề ra phương hướng hoạt động như sau:

#### **a. Giải pháp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành nhà máy điện:**

- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Tối ưu hoá hoạt động các nhà máy sản xuất điện đang vận hành theo hướng tinh gọn bộ máy kết hợp với việc kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Không ngừng nghiên cứu các giải pháp nâng công suất, cảnh báo sự cố, giảm thiểu tổn thất, cải tiến máy móc, thiết bị... nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.
- Tăng cường công kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, các hạng mục công trình thủy công và đường dây truyền tải điện. Bảo đảm các nhà máy hoạt động thường xuyên, liên tục, không để xảy ra sự cố do chủ quan gây ra. Đồng thời căn cứ thực tế vận hành đánh giá ưu tiên các hạng mục sửa chữa từ đó có kế hoạch thực hiện sửa chữa kịp thời, hiệu quả.
- Thường xuyên tổ chức và tham gia các cuộc họp chuyên đề vận hành các Nhà máy điện, xây dựng cảm nang xử lý sự cố, tổ chức các buổi hướng dẫn, đào tạo nâng cao tay nghề, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, vận hành và xử lý sự cố phổ biến đến mọi CBNV nhà máy.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh chính của Công ty, đánh giá và triển khai thực hiện M&A các dự án đã vận hành nhằm khai thác tối ưu nguồn lực;
- Từng bước đầu tư các thiết bị tự động hoá công tác quản lý vận hành tại các nhà máy;

#### **b. Công tác tài chính và đầu tư:**

- Đảm bảo thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ tiền bán điện;
- Hoàn tất công tác tăng vốn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ phê duyệt để chuẩn bị nguồn vốn sẵn sàng trong việc M&A/ đầu tư mới các dự án năng lượng;
- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm kiếm nguồn vốn và lãi suất ưu đãi.
- Quản lý tốt các khoản đầu tư tài chính.

#### **c. Công tác nâng cao năng lực tổ chức và quản trị nhân lực:**

- Xây dựng bộ máy tổ chức gọn nhẹ và tối ưu nguồn nhân lực hiện có.
- Không ngừng nâng cao ý thức tự thực hiện của mỗi người lao động và tư tưởng tối ưu hóa trong tất cả hành động của người lao động và các hoạt động của công ty trong quy trình sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện các quy định nội bộ liên quan quản trị nguồn nhân lực, bao gồm: tuyển dụng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bổ nhiệm, mô tả công việc, tiêu chuẩn chức danh và cơ chế trả lương thưởng; lập và thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Cải thiện môi trường làm việc, thu nhập của người lao động gắn liền với nâng cao chất lượng nhân viên tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành.
- Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp, mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, những công nhân có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý, lãnh đạo.
- Sử dụng quỹ khen thưởng cho người lao động, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt, coi khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng có kế thừa các giá trị truyền thống.
- Quan tâm và có trách nhiệm đối với các hoạt động xã hội và cộng đồng.

#### **d. Quy trình kinh doanh và quản trị nội bộ:**

- Nâng cao năng lực lập kế hoạch và hiệu suất nội tại của các hoạt động chuyên môn; rút ngắn thời gian thực hiện các nghiệp vụ và kiểm soát thực hiện kế hoạch gắn liền với các chỉ tiêu kế hoạch đã được xác định.
- Giảm thiểu số lượng văn bản về quản lý, quản trị và vận hành nhưng vẫn đảm bảo doanh nghiệp được quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất.
- Đảm bảo máy móc thiết bị, công trình xây dựng được quản lý và vận hành an toàn, hiệu quả thông qua các quy định được chuẩn hóa.
- Tăng cường phân cấp và phân quyền trong quản lý và điều hành gắn liền với công tác giám sát thường xuyên và tăng trách nhiệm giải trình của các cấp để quản trị rủi ro.
- Áp dụng các hệ thống quản lý ISO, 5S một cách thực chất.

#### **e. Các công tác khác:**

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho GHC.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.
- Theo dõi tiến độ triển khai công việc thực hiện các dự án mà GHC tham gia góp vốn.

- Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 cơ bản như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020	TH 2019	So sánh (%)
					KH2020/TH 2019
A	B	C	1	2	3=1/2
1	<b>Điện thương phẩm</b>	<b>tr kWh</b>	<b>189,72</b>	<b>141,42</b>	<b>134,16%</b>
	<i>NM TĐ H'Chan</i>	<i>tr kWh</i>	<i>51,04</i>	<i>39,38</i>	<i>129,62%</i>
	<i>NM TĐ H'Mun</i>	<i>tr kWh</i>	<i>62,49</i>	<i>47,43</i>	<i>131,73%</i>
	<i>NM ĐMT TTC Hàm Phú 2</i>	<i>tr kWh</i>	<i>76,19</i>	<i>54,60</i>	<i>139,54%</i>
2	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>312,01</b>	<b>245,97</b>	<b>126,85%</b>
2.1	<b>Doanh thu bán điện</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>310,08</b>	<b>244,24</b>	<b>126,96%</b>
	<i>NMTĐ H'Chan</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>64,57</i>	<i>56,73</i>	<i>113,82%</i>
	<i>NMTĐ H'Mun</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>80,23</i>	<i>69,47</i>	<i>115,48%</i>
	<i>NM ĐMT TTC Hàm Phú 2</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>165,28</i>	<i>118,03</i>	<i>140,03%</i>
2.2	<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>1,93</b>	<b>1,31</b>	<b>147,58%</b>
2.3	<b>Thu nhập khác</b>	<b>tỷ đ</b>		<b>0,42</b>	<b>0,00%</b>
3	<b>Tổng chi phí</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>202,15</b>	<b>144,61</b>	<b>139,80%</b>
3.1	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>126,79</b>	<b>103,52</b>	<b>122,48%</b>
	<i>NMTĐ H'Chan</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>24,72</i>	<i>24,51</i>	<i>100,85%</i>
	<i>NMTĐ H'Mun</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>36,92</i>	<i>37,82</i>	<i>97,62%</i>
	<i>NM ĐMT TTC Hàm Phú 2</i>	<i>tỷ đ</i>	<i>65,15</i>	<i>41,19</i>	<i>158,19%</i>
3.2	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>67,10</b>	<b>32,36</b>	<b>207,36%</b>
3.3	<b>Chi phí quản lý DN</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>8,26</b>	<b>8,65</b>	<b>95,48%</b>
3.4	<b>Chi phí khác</b>	<b>tỷ đ</b>		<b>0,08</b>	<b>0,00%</b>
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>109,86</b>	<b>101,36</b>	<b>108,38%</b>
5	Thuế TNDN	tỷ đ	8,46	6,60	128,17%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>101,40</b>	<b>94,76</b>	<b>107,01%</b>

## PHẦN E: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2019 gồm 5 thành viên cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hà Quốc Kiệt	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên HĐQT
5	Ông Mai Văn Nhớ	Thành viên HĐQT độc lập





## Tóm tắt sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

### ❖ Chủ tịch HĐQT - Bà Nguyễn Thái Hà

- Họ và tên: Nguyễn Thái Hà
- Số CMND: 012033277
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/11/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 62/7A Nhất Chí Mai, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0269.3830013
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế Phát triển
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001 đến 2002	Công ty kế toán – Kiểm toán A&C	Chuyên viên
Từ 2002 đến 2012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Chánh văn phòng
Từ 4/2016 – 4/2017	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Trưởng ban kiểm soát
Từ 2012 đến nay	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Thành viên HĐQT, PTGD, Chánh văn phòng
Từ 2016 – đến nay	Công ty CP du lịch Thành Thành Công	Phó chủ tịch HĐQT
Từ 10/2018 đến nay	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Tổng Giám đốc
Từ 04/2019 đến nay	Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Thủy điện Gia Lai: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Điện Gia Lai
  - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Chánh văn phòng - Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
  - Phó chủ tịch HĐQT – Công ty CP Du lịch Thành Thành Công
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký phát hành: Không có



❖ **Thành viên HĐQT – Ông Hà Quốc Kiệt**

- Họ và tên: Hà Quốc Kiệt
- Số CMND: 230507154
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1976
- Nơi sinh: Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phù Mỹ - Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Mạc Đĩnh Chi, P. Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại liên lạc: 0269.3830013
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2003	Thủy điện AYun Hạ	Kỹ thuật viên
Từ 2003 đến 2006	Phòng kỹ thuật Công ty CP Điện Gia Lai	Kỹ thuật viên
Từ 2006 đến 2013	Phòng Quản lý sản xuất Công ty CP Điện Gia Lai	Phó phòng
Từ 2013 đến 2016	Chi nhánh Điện TTC Chư Prông	Giám đốc
Từ 2016 đến 2017	Chi nhánh TTC Hồ Chí Minh	Giám đốc
Từ 2017 đến 2018	Công ty cổ phần Năng lượng TTC Công ty cổ phần Điện gió Mê Kông	Phó giám đốc kỹ thuật Giám đốc
Từ 2018 đến 2019	Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Phó Giám đốc Khối năng lượng
Từ 03/2018 đến nay	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Thành viên HĐQT
Từ 11/2019 – nay	Công ty CP Điện Gió Tiền Giang	Giám đốc Công ty
Từ 11/2019 – nay	Công ty CP Điện Gia Lai	Phó Giám đốc Khối phát triển dự án

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Phó Giám đốc Khối phát triển dự án - Công ty CP Điện Gia Lai
  - Giám đốc Công ty CP Điện Gió Tiền Giang
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phiếu bằng 0,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không

❖ **Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Đình Tuấn**

- Họ và tên: Nguyễn Đình Tuấn
- Số CMND: 230690452
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/03/1963
- Nơi sinh: Kon Tum
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoài Nhơn - Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 28 Phạm Văn Đồng, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1994 đến 12/1998	Công ty Điện Gia Lai	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ 01/1999 đến 12/2001	Công ty Điện Gia Lai	Trưởng phòng
Từ 08/2002 đến 05/2008	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai	Giám đốc
Từ 06/2008 đến 03/2011	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Giám đốc
Từ 04/2011 đến nay	Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Thành viên HĐQT
Từ 04/2011 đến nay	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Phó Tổng GD
Từ 2013 – nay	Công ty cổ phần Thủy điện Trường Phú	Thành viên HĐQT
Từ 2016 – nay	Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng lộ	Chủ tịch

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành Viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện Gia Lai
  - Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Thủy điện Trường Phú
  - Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Thủy điện thượng lộ
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
  - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu bằng 0,04% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai.
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký phát hành: Không có

❖ **Thành viên HĐQT – Ông Hà Nguyên Hoàng**

- Họ và tên: Hà Nguyên Hoàng
- Số hộ chiếu: 211739931
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1983
- Nơi sinh: Ân Mỹ - Hoài Ân – Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Ân Mỹ - Hoài Ân – Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Ân Mỹ - Hoài Ân – Bình Định
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tự động hóa
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2005 đến 2009	Công ty Điện Gia Lai	Nhân viên phòng KT – VT – XDCB
Từ 2009 đến 2013	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Phó phòng Kỹ thuật
Từ 2013 đến 01/2015	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	PGĐ, Giám đốc, TT PTCN
Từ 01/2015 đến 2017	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Giám đốc khối Kỹ thuật
Từ 2014 – nay	Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Thành viên HĐQT
Từ 2017 đến nay	Công ty cổ phần đầu tư Thành Thành Công	Giám đốc Khối năng lượng
Từ 2019 đến nay	Công ty cổ phần Điện Thủy điện Trường Phú	Thành viên HĐQT
Từ 2019 đến nay	Công ty TNHH MTV xây lắp và cơ điện Gia Lai	Chủ tịch Công ty
Từ 2019 đến nay	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Giám đốc Khối năng lượng Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
  - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện Gia lai
  - Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai
  - Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Thủy điện Trường Phú
  - Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phiếu bằng 0,73% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: không
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: không

❖ **Thành viên HĐQT – Ông Mai Văn Nhớ**

- Họ và tên: Mai Văn Nhớ
- Số CMND: 331637183
- Nơi cấp : Vĩnh Long
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/06/1988
- Nơi sinh: Vĩnh Thuận – Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 69 Vĩnh Bình, xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long
- Số điện thoại liên lạc: 0382035153
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán; Cử nhân Ngôn ngữ Anh
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2011 đến 08/2015	Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ	Chuyên viên kiểm toán Báo cáo tài chính
Từ 09/2015 đến 05/2017	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (Thành viên của RSM International)	Trưởng nhóm kiểm toán Báo cáo tài chính
Từ 06/2017 đến 02/2020	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Chuyên viên cấp trung kiểm toán nội bộ
Từ 4/2019 đến nay	Công ty CP Năng Lượng TTC	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 4/2019 đến nay	Công ty CP Thủy Điện Trường Phú	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 04/2019 đến nay	Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Thành viên độc lập HĐQT, phụ trách UBKT
Từ 01/03/2020 đến nay	Công ty CP Năng Lượng TTC	Trưởng Kiểm toán nội bộ

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Phụ trách Ủy Ban Kiểm toán - Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - Trưởng Kiểm toán nội bộ Công ty CP Năng lượng TTC
  - Trưởng Ban kiểm soát CP Thủy Điện Trường Phú
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký phát hành:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu bằng 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký phát hành: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn đối với lợi ích của tổ chức đăng ký phát hành: Không có

## II. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2019:

### ❖ Những thay đổi của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

- Vào ngày 10/04/2019 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Lê An Khang và Ông Phạm Trọng Quý Châu, bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Nguyễn Thái Hà và Ông Mai Văn Nhó. Đại hội thống nhất phê duyệt thành viên Hội đồng quản trị độc lập đối với Ông Mai Văn Nhó.
- Ngày 10/4/2019, Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất thôi nhiệm Người đại diện theo Pháp luật kiêm Chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với Ông Hà Quốc Kiệt và thống nhất bầu Bà Nguyễn Thái Hà làm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai đồng thời là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

## III. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Ngày 10/04/2019, HĐQT đã thống nhất phân công các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực hoạt động nhằm triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị hiệu quả, cụ thể như sau:

<b>A. Quản lý chung :</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Bà Nguyễn Thái Hà – Chủ tịch HĐQT
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách quản trị tất cả các mặt hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
<b>B. Kỹ thuật – Kinh doanh</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Nguyễn Đình Tuấn – Thành viên HĐQT
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách công tác sản xuất, kỹ thuật, sửa chữa, bảo dưỡng của các nhà máy; - Phụ trách công tác phát triển công nghệ, phát triển sản xuất; - Tham mưu Hội đồng quản trị phương án tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, đối ngoại trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
<b>C. Dự án</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Hà Quốc Kiệt – Thành viên HĐQT Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HĐQT
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách công tác nghiên cứu, tìm kiếm, phân tích hiệu quả tài chính đầu tư các dự án năng lượng tái tạo tiềm năng mang lại lợi ích cao cho Công ty. - Tham gia nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
<b>D. Kiểm toán nội bộ</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Mai Văn Nhó – Thành viên độc lập HĐQT
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty. - Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị, doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### IV. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

##### 1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2019 :

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất với sự tham gia của đầy đủ thành viên HĐQT theo quy định để thống nhất triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó. Kết quả thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2019, cụ thể như sau:

STT	Quyết nghị	Kết quả Thực hiện
<b>NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019</b>		
1	Trích thưởng cho Công ty với mức trích thưởng tối đa bằng 8% của phần lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch.	Đã thực hiện
2	Cân đối dòng tiền, lựa chọn thời gian thích hợp, thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%/VĐL của năm 2018	Đã hoàn thành
3	Quyết định tỷ lệ, hình thức chi trả và thời gian tạm ứng cổ tức năm 2019 căn cứ trên lợi nhuận chưa phân phối, tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty và tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông Công ty	Đã hoàn thành
4	Trường hợp năm 2019 lợi nhuận sau thuế vượt hơn so với kế hoạch, ĐHĐCĐ giao cho chủ tịch HĐQT quyết định việc trích thưởng cho Công ty với mức trích thưởng tối đa bằng 8% của phần lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch.	Không thực hiện
5	Ký kết các hợp đồng, giao dịch đối với người có liên quan (là tổ chức/pháp nhân) của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật	Đang thực hiện thường xuyên với các giao dịch có liên quan
6	Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019	Đã hoàn thành
7	Thực hiện chi trả thù lao hàng tháng cho HĐQT năm 2019	Đang thực hiện hàng tháng
8	Thông qua dự trù kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao theo chức năng nhiệm vụ: tối đa 5% Lợi nhuận sau thuế theo kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019	Tổng chi phí HĐQT trong năm 2019: 528.240.833 đồng. Chủ yếu là chi phí thù lao.
9	Thực hiện các thủ tục về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018- 2023	Đã hoàn thành



NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG NĂM 2019		
1	Phê duyệt chủ trương phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Đang thực hiện theo kế hoạch
2	Phê duyệt chủ trương và phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty cổ phần Thủy điện Gia Lai	Đang thực hiện theo kế hoạch
3	Phê duyệt chủ trương bổ sung ngành nghề kinh doanh	Đã hoàn tất bổ sung ngành nghề kinh doanh

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã biểu quyết bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền mang tính cấp bách. Tính đến ngày 31/12/2019, HĐQT đã thông qua 12 nghị quyết với các nội dung trọng yếu và hoàn thành triển khai thực hiện cụ thể như sau:

- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019;
- Thông qua thay đổi Người đại diện theo Pháp luật;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Công ty và tình hình hoạt động của Công ty;
- Thông qua chi trả cổ tức còn lại năm 2018 và tạm ứng cổ tức năm 2019.
- Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019: Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên, kế hoạch sửa chữa lớn và thay thế thiết bị các Nhà máy thủy điện năm 2019;
- Bổ nhiệm nhân sự quản lý đảm bảo công tác quản trị, điều hành Công ty;
- Thông qua các nội dung quan trọng phục vụ công tác triển khai đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành dự án Nhà máy ĐMT TTC Hàm Phú 2.
- Và các công tác khác thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.

## 2. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thống nhất phê duyệt thành viên Hội đồng quản trị độc lập đối với Ông Mai Văn Nhớ, được phân công phụ trách uỷ ban kiểm toán (kiểm toán nội bộ). Việc bổ nhiệm này nhằm phù hợp chuẩn mực về QTCT mới nhất ban hành 06/06/2017 theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP, đồng thời tiệm cận với những tiêu chuẩn quốc tế về QTCT mà những doanh nghiệp đầu Ngành trên sàn chứng khoán Việt Nam đang lựa chọn để thay thế mô hình cũ có Ban kiểm soát. Với tư cách Thành viên độc lập HĐQT, Ông đã đồng hành cùng HĐQT trong việc giám sát, điều hành Công ty một cách độc lập, nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư.

### 2.1. Các hoạt động chính của Thành viên HĐQT độc lập:

#### Hoạt động giám sát và tham mưu

- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban giám đốc về việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị của HĐQT trong công tác quản trị, điều hành.

- Giám sát quá trình hoàn thiện các kiến nghị của Ủy ban kiểm toán/ Ban kiểm soát Công ty trong các đợt kiểm toán trước đây.
- Rà soát, tham mưu cải thiện các chốt kiểm soát đối với hệ thống VBLQ hiện hành của Công ty.
- Theo dõi và cập nhật thường xuyên hoạt động công ty để có các tư vấn tham mưu phù hợp.

#### **🚦 Hoạt động kiểm toán**

- Rà soát hồ sơ pháp lý dự án: đánh giá tiến độ toàn dự án và từng gói thầu cụ thể, đánh giá tính đầy đủ hồ sơ chứng từ cho từng gói thầu cả về nội dung và trình tự thời gian phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, đấu thầu, ...
- Thẩm tra công tác lập và trình bày BCTC giai đoạn 8 tháng đầu năm 2019. Đánh giá công tác lập và luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán, lập và trình bày BCTC phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Đánh giá công tác kiểm kê và quản lý tài sản theo quy định của Luật Kế toán và quy định nội bộ công ty.
- Kiểm tra tính tuân thủ trong công tác hành chính nhân sự và yêu cầu khắc phục các vấn đề tồn tại, đảm bảo tuân thủ các quy định về Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các quy định khác.

### **2.2. Kế hoạch hoạt động năm 2020**

Với nhiệm vụ của Thành viên độc lập HĐQT, Ông Mai Văn Nhớ sẽ tiếp tục đóng vai trò như người giám sát, giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý, điều hành, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông và nhà đầu tư, bao gồm một số hoạt động cụ thể như sau :

- Thực hiện chức năng giám sát HĐQT và Ban điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty.
- Tăng cường các buổi làm việc, trao đổi với Ban điều hành về các vấn đề yếu kém hoặc chưa chuẩn hoá tại đơn vị để đốc thúc giải quyết và xử lý kịp thời.
- Tham gia với vai trò tư vấn hoàn thiện các chốt kiểm soát trong việc rà soát, điều chỉnh hệ thống VBLQ của Công ty.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán trọng tâm trong năm 2020:
  - ✓ Thẩm tra BCTC năm 2019 và BCTC Quý năm 2020. Kiểm tra tính tuân thủ trong công tác tạm ứng, thanh toán, quản lý công nợ, tập hợp và lưu trữ hồ sơ kế toán.
  - ✓ Kiểm tra tính tuân thủ trong công tác tuyển dụng, quản lý nhân sự và hoạt động hành chính quản trị.
  - ✓ Rà soát công tác phân quyền uỷ quyền tại Công ty.
  - ✓ Thực hiện công tác phúc tra các kiến nghị trong các Biên bản kiểm toán trước đây.
  - ✓ Thực hiện các cuộc kiểm toán đột xuất theo tình hình phát sinh thực tế tại Công ty.

### **3. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

Thành viên HĐQT, Ban Điều hành Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về công tác quản trị. Các thành viên HĐQT/BĐH sẽ sắp xếp thời gian tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.



**V. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:**

**1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Thù lao và kinh phí hoạt động của từng thành viên HĐQT trong năm 2019 được chi trả theo đúng mức thù lao và kinh phí hoạt động cho HĐQT đã được ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua, cụ thể qua như sau:

STT	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG	THÙ LAO
	Hội đồng quản trị		<b>38.000.000</b> Đồng/tháng
1	Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000 Đồng/tháng
2	Thành viên HĐQT	4	7.000.000 Đồng/tháng

- Tổng thù lao Hội đồng quản trị trong năm 2019 (có tháng lương 13) là: 467.050.833 đồng.
- Tổng mức thù lao và dự trù kinh phí thực hiện trong năm 2019: 528.240.833 đồng.

**2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Stt	Người / Tổ chức thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
		Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Đình Tuấn Thành viên HĐQT	20.000	0,005	10.000	0,048	
2	Ông Phan Thanh Lạc	15.400	0,075	2.000	0,009	Người nội bộ: Nguyễn Thị Điều Phụ trách CBTT

**3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

*Đvt: đồng*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Doanh thu bán điện	126.204.868.577	156.090.619.133
		Chia cổ tức	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Chia cổ tức	47.677.456.000	47.677.456.000
		Mua tài sản cố định	915.885.125	19.841.431.547
		Mua hàng hóa và dịch vụ	19.128.692.405	1.022.898.635
		Chi phí được chi hộ	558.876.567	669.232.252
		Chi phí chi hộ	527.415.965	
		Nhận nợ vay	9.800.000.000	
		Trả nợ vay	9.800.000.000	
		Lãi vay	2.684.932	

#### **4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng quản trị công ty theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật quản lý thuế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Hội đồng quản trị tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành SXKD của Công ty.
- Ban Giám đốc điều hành hoạt động SXKD hàng ngày của Công ty theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.



## PHẦN F: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9





## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 cấp ngày 16 tháng 4 năm 2019.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Nguyễn Thái Hà Ông Hà Quốc Kiệt Ông Nguyễn Đình Tuấn Ông Hà Nguyên Hoàng Ông Mai Văn Nhớ Ông Phạm Trọng Quý Châu	Chủ tịch (từ ngày 10 tháng 4 năm 2019) Chủ tịch (đến ngày 10 tháng 4 năm 2019) Thành viên Thành viên Thành viên độc lập (từ ngày 10 tháng 4 năm 2019) Thành viên (đến ngày 10 tháng 4 năm 2019)
<b>Ủy ban kiểm toán</b>	Ông Mai Văn Nhớ Ông Phạm Trọng Quý Châu Ông Hà Quốc Kiệt Ông Hà Nguyên Hoàng	Trưởng ban (từ ngày 10 tháng 4 năm 2019) Trưởng ban (đến ngày 10 tháng 4 năm 2019) Thành viên (đến ngày 10 tháng 4 năm 2019) Thành viên (đến ngày 10 tháng 4 năm 2019)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trịnh Vinh Thanh Ông Hồ Quý Tri Thức	Giám đốc Phó Giám đốc (đến ngày 1 tháng 12 năm 2019)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Bà Nguyễn Thái Hà Ông Hà Quốc Kiệt	Chủ tịch (từ ngày 10 tháng 4 năm 2019) Chủ tịch (đến ngày 10 tháng 4 năm 2019)
<b>Trụ sở chính</b>	Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (“Công ty”) ủy quyền cho Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 39. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Vĩnh Thanh  
Giám đốc

Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Tỉnh Gia Lai, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 24 tháng 3 năm 2020



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019, và được Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.






**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>85.473.886.081</b>	<b>103.442.777.125</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>13.602.420.765</b>	<b>17.093.266.405</b>
111	Tiền		7.702.420.765	17.093.266.405
112	Các khoản tương đương tiền		5.900.000.000	-
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>62.723.091.642</b>	<b>47.710.166.455</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	47.012.202.225	16.451.155.183
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.591.121.741	21.612.152.464
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	14.000.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	119.767.676	9.646.858.808
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>2.165.201.414</b>	<b>2.072.517.538</b>
141	Hàng tồn kho	8	2.165.201.414	2.072.517.538
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.983.172.260</b>	<b>36.566.826.727</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		295.445.045	91.714.775
152	Thuế Giá trị Gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ	12(b)	6.687.727.215	36.475.111.952
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.042.614.231.082</b>	<b>359.645.706.414</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.040.762.707.881</b>	<b>198.697.346.163</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.020.344.528.814	197.277.017.888
222	Nguyên giá		1.276.957.514.296	399.693.654.402
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(256.612.985.482)	(202.416.636.514)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	20.418.179.067	1.420.328.275
228	Nguyên giá		21.141.871.369	1.492.970.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(723.692.302)	(72.641.725)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>159.592.275.030</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	-	159.592.275.030
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.851.523.201</b>	<b>1.356.085.221</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.851.523.201	1.356.085.221
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.128.088.117.163</b>	<b>463.088.483.539</b>


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>768.514.153.371</b>	<b>110.416.769.049</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>99.039.441.739</b>	<b>110.416.769.049</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	30.564.544.858	38.913.147.225
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(a)	3.910.087.066	4.510.220.643
314	Phải trả người lao động		107.366.625	85.893.562
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.335.964.453	161.951.325
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	4.100.559.424	4.824.709.404
320	Vay ngắn hạn	15(a)	43.680.000.000	49.986.984.250
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	15.340.919.313	11.933.862.640
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>669.474.711.632</b>	-
338	Vay dài hạn	15(b)	669.474.711.632	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>359.573.963.792</b>	<b>352.671.714.490</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>359.573.963.792</b>	<b>352.671.714.490</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	52.499.670.000	52.499.670.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	72.419.646.025	60.358.777.490
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	29.654.647.767	34.813.267.000
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		23.441.667.000	3.746.130.859
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		6.212.980.767	31.067.136.141
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.128.088.117.163</b>	<b>463.088.483.539</b>

  
 Nguyễn Tiến Bằng  
 Kế toán trưởng/Người lập



  
 Trịnh Vinh Thanh  
 Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng	244.238.178.483	156.090.619.133
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	22 244.238.178.483	156.090.619.133
11	Giá vốn hàng bán	23 103.519.381.157	49.142.272.402
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	140.718.797.326	106.948.346.731
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24 1.310.272.949	6.550.587.821
22	Chi phí tài chính	25 32.359.625.915	76.755.346
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	25 31.689.224.787	76.692.359
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 8.651.943.482	3.477.351.979
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	101.017.500.878	109.944.827.227
31	Thu nhập khác	419.851.785	185.096.042
32	Chi phí khác	75.284.131	519.148.409
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	344.567.654	(334.052.367)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	101.362.068.532	109.610.774.860
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	27 6.600.121.898	8.926.750.090
52	Thuế TNDN hoãn lại	27 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	94.761.946.634	100.684.024.770
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19(a) 4.337	4.666
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19(a) 4.337	4.666

Nguyễn Tiên Bằng  
Kế toán trưởng/Người lập

Trịnh Vĩnh Thanh  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	101.362.068.532	109.610.774.860
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	55.526.908.089	22.781.185.633
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	299.718.008	62.441
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.044.101.212)	(6.541.101.447)
06	Chi phí lãi vay	31.689.224.787	76.692.359
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	187.833.818.204	125.927.613.846
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	109.623.463.783	(19.115.668.778)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(92.683.876)	210.689.046
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(91.098.458.408)	33.956.158.410
12	Tăng chi phí trả trước	(699.168.250)	(408.629.326)
14	Tiền lãi vay đã trả	(30.980.263.504)	-
15	Thuế TNDN đã nộp	12(a) (6.970.750.090)	(13.802.357.087)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	30.000.000	30.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.452.640.659)	(3.474.506.832)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	165.193.317.200	123.323.299.279
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(736.931.615.551)	(162.723.861.343)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	270.000.000	-
23	Tiền chi cho vay	(67.500.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay	53.500.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay và tiền gửi	774.101.212	7.141.768.114
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(749.887.514.339)	(155.582.093.229)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu đi vay	742.626.812.648	49.986.984.250
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(79.459.085.266)	-
36	Tiền cổ tức đã trả	(81.664.657.875)	(128.576.366.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	581.503.069.507	(78.589.381.850)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(3.191.127.632)	(110.848.175.800)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 17.093.266.405	127.941.504.646
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(299.718.008)	(62.441)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 13.602.420.765	17.093.266.405

  
Nguyễn Tiến Bằng  
Kế toán trưởng/Người lập

  
  
Trịnh Vĩnh Thanh  
Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002. Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 16 tháng 4 năm 2019.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GHC.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện, kinh doanh điện.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày cuối năm, Công ty có 73 nhân viên (tại ngày đầu năm: 67 nhân viên).

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Tại ngày cuối năm, Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai - Chi nhánh TTC Bình Thuận tại K45 Tôn Đức Thắng, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hay “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và/hoặc thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

**2.8 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
TSCĐ khác	3 - 25 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 40 - 43 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 12 năm 2018.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng và các bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.16 Vốn cổ phần**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

**2.17 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**2.18 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

**2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.





**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tiền mặt	46.231.105	14.161.741
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.656.189.660	17.079.104.664
Các khoản tương đương tiền (*)	5.900.000.000	-
	<u>13.602.420.765</u>	<u>17.093.266.405</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Bên thứ ba		
Công ty Mua Bán Điện	30.533.610.016	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	16.478.592.209	16.451.155.183
	<u>47.012.202.225</u>	<u>16.451.155.183</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Bên thứ ba		
Chongqing New Century Electrical Co., Ltd	1.474.521.741	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp NSN	-	18.684.421.015
Công ty TNHH Nhất Nước	-	2.325.000.000
Khác	116.600.000	602.731.449
	<u>1.591.121.741</u>	<u>21.612.152.464</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09 – DN

**6 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Biến động các khoản cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm VND	Chi cho vay VND	Thu hồi nợ vay VND	Số cuối năm VND
<b>Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))</b>				
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	-	10.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	-	8.500.000.000	(8.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng TTC	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
		<u>67.500.000.000</u>	<u>(53.500.000.000)</u>	<u>14.000.000.000</u>

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Thời hạn cho vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An	9.000.000.000	Đến tháng 1 năm 2020	10	Tín chấp
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	5.000.000.000	Đến tháng 3 năm 2020	10	Tín chấp
	<u>14.000.000.000</u>			

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng cho người lao động	44.945.000	-	2.411.935.720	-
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	5.761.410.697	-
Chi phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	1.452.004.369	-
Khác	64.822.676	-	21.508.022	-
	<u>119.767.676</u>	<u>-</u>	<u>9.646.858.808</u>	<u>-</u>
Trong đó				
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	42.465.753	-	1.452.004.369	-
Bên thứ ba	77.301.923	-	8.194.854.439	-
	<u>119.767.676</u>	<u>-</u>	<u>9.646.858.808</u>	<u>-</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**8 HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	120.688.103	-	174.115.648	-
Công cụ, dụng cụ	2.044.513.311	-	1.898.401.890	-
	<u>2.165.201.414</u>	<u>-</u>	<u>2.072.517.538</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**Mẫu số B 09 - DN**

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”)**

**(a) TSCĐ hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây cảnh VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	196.004.117.186	159.197.129.173	3.250.072.209	161.650.000	-	41.080.685.834	<b>399.693.654.402</b>
Mua trong năm	-	-	1.787.698.241	-	285.885.000	3.843.618.182	<b>5.917.201.423</b>
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	215.998.714.791	589.751.848.578	46.152.016.685 (679.508.544)	1.497.382.003	-	18.626.204.958	<b>872.026.167.015</b> <b>(679.508.544)</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	412.002.831.977	748.948.977.751	50.510.278.591	1.659.032.003	285.885.000	63.550.508.974	<b>1.276.957.514.296</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	92.793.467.146	81.420.259.612	1.009.989.589	91.122.288	-	27.101.797.879	<b>202.416.636.514</b>
Khấu hao trong năm	18.175.436.864	30.678.612.624	1.868.475.845 (679.508.544)	252.684.419	23.823.750	3.876.824.010	<b>54.875.857.512</b> <b>(679.508.544)</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	110.968.904.010	112.098.872.236	2.198.956.890	343.806.707	23.823.750	30.978.621.889	<b>256.612.985.482</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	103.210.650.040	77.776.869.561	2.240.082.620	70.527.712	-	13.978.887.955	<b>197.277.017.888</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	301.033.927.967	636.850.105.515	48.311.321.701	1.315.225.296	262.061.250	32.571.887.085	<b>1.020.344.528.814</b>

**9 TSCĐ (tiếp theo)**

**(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3,6 tỷ Đồng.

Tại ngày cuối năm, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 3,5 tỷ Đồng (tại ngày đầu năm: 2,8 tỷ Đồng).

Tại ngày cuối năm, tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 9(b)) của Công ty liên quan đến Dự án thủy điện H'Chan ("Dự án H'Chan"), Dự án thủy điện H'Mun ("Dự án H'Mun") và Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 ("Dự án TTC - Hàm Phú 2") với tổng giá trị còn lại là 1.042,2 tỷ Đồng (tại ngày đầu năm: 199 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai (Thuyết minh 15).

**(b) TSCĐ vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.492.970.000	-	1.492.970.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	19.087.597.431	561.303.938	19.648.901.369
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>20.580.567.431</u>	<u>561.303.938</u>	<u>21.141.871.369</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	72.641.725	-	72.641.725
Khấu hao trong năm	650.547.616	502.961	651.050.577
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>723.189.341</u>	<u>502.961</u>	<u>723.692.302</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.420.328.275	-	1.420.328.275
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u><u>19.857.378.090</u></u>	<u><u>560.800.977</u></u>	<u><u>20.418.179.067</u></u>

**10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án TTC - Hàm Phú 2 (*)	-	159.351.674.483
Bản quyền phần mềm (ERP)	-	240.600.547
	<u>-</u>	<u>159.592.275.030</u>

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, Công ty thông qua chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 (“Dự án TTC - Hàm Phú 2”) với tổng mức đầu tư là 1.017,452 tỷ đồng.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	159.592.275.030	-
Tăng trong năm	732.082.793.354	159.592.275.030
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(872.026.167.015)	-
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 9(b))	(19.648.901.369)	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>159.592.275.030</u>

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Sharp Energy Solution Corporation	12.754.000.000	12.754.000.000	-	-
Sharp Solar Solution Asia Co., Ltd	-	-	33.297.773.238	33.297.773.238
Khác	1.114.948.858	1.114.948.858	2.438.720.787	2.438.720.787
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	16.695.596.000	16.695.596.000	3.176.653.200	3.176.653.200
	<u>30.564.544.858</u>	<u>30.564.544.858</u>	<u>38.913.147.225</u>	<u>38.913.147.225</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09 - DN

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước như sau:

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/ phải thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thực thu trong năm VND	Cán trừ/ phân loại lại trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>(a) Phải nộp</b>					
Thuế TNDN	2.526.376.711	6.600.121.898	(6.970.750.090)	-	2.155.748.519
Thuế thu nhập cá nhân	910.025.631	1.736.402.598	(1.921.699.534)	-	724.728.695
Thuế tài nguyên	714.631.801	7.955.875.503	(8.000.083.952)	-	670.423.352
Thuế GTGT	-	22.881.754.795	(272.764.716)	(22.608.990.079)	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	4.924.474.078	(4.924.474.078)	-	-
Khác	359.186.500	1.077.559.500	(1.077.559.500)	-	359.186.500
	<u>4.510.220.643</u>	<u>45.176.188.372</u>	<u>(23.167.331.870)</u>	<u>(22.608.990.079)</u>	<u>3.910.087.066</u>
<b>(b) Phải thu</b>					
Thuế GTGT - nội địa	4.061.794.346	33.401.775.830	(8.166.852.882)	(22.608.990.079)	6.687.727.215
Thuế GTGT - nhập khẩu	32.413.317.606	17.455.815.439	(49.869.133.045)	-	-
	<u>36.475.111.952</u>	<u>50.857.591.269</u>	<u>(58.035.985.927)</u>	<u>(22.608.990.079)</u>	<u>6.687.727.215</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI****Mẫu số B 09 - DN****13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Lãi vay phải trả	862.346.001	76.692.359
Khác	473.618.452	85.258.966
	<u>1.335.964.453</u>	<u>161.951.325</u>

**14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 20)	3.442.827.126	3.107.485.001
Phí bảo vệ môi trường rừng	434.307.496	1.288.448.784
Khác	223.424.802	428.775.619
	<u>4.100.559.424</u>	<u>4.824.709.404</u>
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	3.558.341.639	3.442.059.168
Bên thứ ba	542.217.785	1.382.650.236
	<u>4.100.559.424</u>	<u>4.824.709.404</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**Mẫu số B 09 – DN**

<b>15 VAY</b>	<b>Số đầu năm VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Phân loại lại VND</b>	<b>Số cuối năm VND</b>
<b>(a) Ngắn hạn</b>					
Vay ngân hàng	49.986.984.250	8.392.101.016	(58.379.085.266)	-	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(a))	-	13.800.000.000	(13.800.000.000)	-	-
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 15(b))	-	-	-	43.680.000.000	43.680.000.000
	<u>49.986.984.250</u>	<u>22.192.101.016</u>	<u>(72.179.085.266)</u>	<u>43.680.000.000</u>	<u>43.680.000.000</u>
<b>(b) Dài hạn</b>					
Vay ngân hàng	-	720.434.711.632	(7.280.000.000)	(43.680.000.000)	669.474.711.632

11/27/2023 10:28:11



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI****Mẫu số B 09 – DN****15 VAY (tiếp theo)**

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Kỳ hạn trả gốc</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Tài sản thế chấp</b>
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	708.834.226.542	Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2	Thời hạn cho vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tháng 1 năm 2019)	(*)	Nhà máy thủy điện H'Mun, H'Chan và nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	4.320.485.090	Đầu tư mua sắm, sửa chữa lớn các nhà máy thủy điện	Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 24 tháng kể từ ngày giải ngân	(**)	Nhà máy thủy điện H'Mun và H'Chan
<b>Đáo hạn trong vòng một năm</b>	<b>713.154.711.632 (43.680.000.000)</b>				
	<b>669.474.711.632</b>				

(\*) Lãi suất 7,8%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất cơ sở do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo công biến lãi suất 2,6%/năm. Lãi suất tại thời điểm cuối năm là 7,3%.

(\*\*) Lãi suất định kỳ được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất cơ sở do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo công biến lãi suất 2,6%/năm. Lãi suất tại thời điểm cuối năm là 8,4%.

**16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	11.933.862.640	10.374.168.233
Tăng trong năm (Thuyết minh 18)	5.859.697.332	5.034.201.239
Sử dụng trong năm	(2.452.640.659)	(3.474.506.832)
Số dư cuối năm	<u>15.340.919.313</u>	<u>11.933.862.640</u>

**17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu phổ thông	Số đầu năm Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	<u>20.500.000</u>	<u>20.500.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	11.919.364	58,14	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	600.000	2,93	600.000	2,93
Các cổ đông khác	7.980.636	38,93	7.980.636	38,93
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>20.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>20.500.000</u>	<u>100,00</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>20.500.000</u>	<u>205.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

## 18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	205.000.000.000	52.499.670.000	47.026.090.100	34.496.130.859	<b>339.021.890.959</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	100.684.024.770	<b>100.684.024.770</b>
Cổ tức công bố (Thuyết minh 20)	-	-	-	(82.000.000.000)	<b>(82.000.000.000)</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.332.687.390	(13.332.687.390)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(5.034.201.239)	<b>(5.034.201.239)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	205.000.000.000	52.499.670.000	60.358.777.490	34.813.267.000	<b>352.671.714.490</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	94.761.946.634	<b>94.761.946.634</b>
Cổ tức công bố (Thuyết minh 20) (*)	-	-	-	(82.000.000.000)	<b>(82.000.000.000)</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	12.060.868.535	(12.060.868.535)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16) (**)	-	-	-	(5.859.697.332)	<b>(5.859.697.332)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	205.000.000.000	52.499.670.000	72.419.646.025	29.654.647.767	<b>359.573.963.792</b>

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 09/2019/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2019 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 11 năm 2019 về việc chi bổ sung cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (tương đương 10,25 tỷ Đồng) và tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ lần lượt là 15% và 20% vốn điều lệ (tương đương lần lượt 30,75 tỷ Đồng và 41 tỷ Đồng).

(\*\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019.



**19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần (VND)	94.761.946.634	100.684.024.770
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(5.859.697.332)	(5.034.201.239)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	88.902.249.302	95.649.823.531
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	20.500.000	20.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.337	4.666
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2019 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**20 CỔ TỨC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	3.107.485.001	49.683.851.101
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 18)	82.000.000.000	82.000.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(81.664.657.875)	(128.576.366.100)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.442.827.126	3.107.485.001
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**21 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục tiền và tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ 287 Đô la Mỹ (tại ngày đầu năm: 295 Đô la Mỹ).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09 – DN

**22 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu bán điện	244.238.178.483	156.090.619.133

**23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn bán điện	103.519.381.157	49.142.272.402

**24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	774.101.212	3.409.268.115
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	536.171.737	9.486.374
Lãi ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 29(a))	-	3.131.833.332
	<u>1.310.272.949</u>	<u>6.550.587.821</u>

**25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí lãi vay	31.689.224.787	76.692.359
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	299.718.008	62.441
Chi phí tài chính khác	370.683.120	546
	<u>32.359.625.915</u>	<u>76.755.346</u>



**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	4.175.344.315	1.680.015.183
Chi phí nhiên liệu vật liệu	275.071.869	50.529.255
Chi phí khấu hao	33.378.927	6.875.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.289.047	31.678.894
Chi phí khác	3.651.859.324	1.708.253.643
	<u>8.651.943.482</u>	<u>3.477.351.979</u>

**27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2049/GCN-UB ngày 19 tháng 12 năm 2002 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án H'Chan, Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến 2020), thuế TNDN được miễn trong 4 năm kể từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2006 đến 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 391200000007/GCN-UB ngày 15 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án H'Mun, Công ty được áp dụng thuế suất 20% và thuế TNDN được giảm 50% trong 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2326266056 ngày 10 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp cho Dự án TTC - Hàm Phú 2, Công ty được áp dụng thuế suất 10%, thuế TNDN được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

**27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	101.362.068.532	109.610.774.860
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	5.052.171.917	1.683.862.583
Thu nhập tính thuế ước tính		
Dự án H'Chan	31.054.337.732	50.336.912.477
Dự án H'Mun	30.682.499.890	57.816.405.261
Dự án TTC - Hàm Phú 2	44.128.585.170	-
Thu nhập khác	548.817.657	3.141.319.705
Chi phí thuế TNDN		
Dự án H'Chan	3.105.433.774	5.033.691.248
Dự án H'Mun	6.136.499.978	11.563.281.052
Dự án TTC - Hàm Phú 2	4.571.195.818	-
Thu nhập khác	109.763.531	628.263.941
Thuế được miễn hoặc giảm		
Dự án H'Chan	-	(2.516.845.624)
Dự án H'Mun	(3.068.249.989)	(5.781.640.527)
Dự án TTC - Hàm Phú 2	(4.254.521.214)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	6.600.121.898	8.926.750.090
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	6.600.121.898	8.926.750.090
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	6.600.121.898	8.926.750.090

(\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao	55.526.908.089	22.781.185.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.969.412.962	1.888.300.080
Chi phí nhân viên	12.445.121.343	8.868.873.203
Chi phí nguyên vật liệu	719.328.593	746.142.029
Khác	22.510.553.652	18.335.123.436
	112.171.324.639	52.619.624.381

**29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do chiếm 58,14% vốn điều lệ của Công ty.

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai  
 Tổng Công ty Điện lực Miền Trung  
 Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai  
 Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển năng lượng Gia Lai  
 Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An  
 Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An  
 Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn  
 Công ty Cổ phần Năng Lượng TTC  
 Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công  
 Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công  
 Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín  
 Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Cổ đông  
 Công ty thành viên trong tập đoàn  
 Công ty thành viên trong tập đoàn  
 Công ty thành viên trong tập đoàn  
 Công ty thành viên cùng tập đoàn  
 Bên liên quan khác  
 Bên liên quan khác  
 Bên liên quan khác  
 Bên liên quan khác





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI****Mẫu số B 09 – DN****29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan.

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Chia cổ tức Mua hàng hóa dịch vụ Nhận nợ vay Trả nợ vay Mua TSCĐ Chi phí được chi hộ Chi phí chi hộ Nhận thưởng Chi phí lãi vay	47.677.456.000 19.128.692.405 9.800.000.000 9.800.000.000 915.885.125 558.876.567 527.415.965 30.000.000 2.684.932	47.677.456.000 1.022.898.635 - - 19.841.431.547 669.232.252 - 30.000.000 -
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu bán điện Chia cổ tức	126.204.868.577 2.400.000.000	156.090.619.133 2.400.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Cho vay Thu hồi khoản cho vay Lãi cho vay Mua hàng hóa dịch vụ	8.500.000.000 8.500.000.000 120.424.657 36.189.698	- - - -
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển năng lượng Gia Lai	Mua hàng hóa dịch vụ	28.854.955	28.854.955



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09 – DN

**29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Công ty Cổ phần Năng Lượng TTC	Cho vay Thu hồi khoản cho vay Lãi cho vay	10.000.000.000 10.000.000.000 90.410.959	- - -
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Cho vay Thu hồi khoản cho vay Lãi cho vay	10.000.000.000 5.000.000.000 85.753.424	- - -
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An	Cho vay Lãi cho vay Mua hàng hóa dịch vụ	9.000.000.000 228.876.712 132.440.022	- - -
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua hàng hóa dịch vụ	6.998.115.173	4.015.077.041
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Cho vay Thu hồi khoản vay Nhận nợ vay Trả nợ vay Lãi cho vay Chi phí lãi vay	30.000.000.000 30.000.000.000 4.000.000.000 4.000.000.000 118.520.548 22.904.110	- - - - - -

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**Mẫu số B 09 – DN**

**29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Mua hàng hóa dịch vụ	71.139.091	77.049.544
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua hàng hóa dịch vụ	23.541.181	-
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Lãi ứng trước tiền hàng Thu ứng trước tiền hàng	- -	3.131.833.332 43.000.000.000
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>			
Lương và các quyền lợi gộp khác		1.111.041.334	1.080.800.999

## 29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	16.478.592.209	16.451.155.183
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	5.000.000.000	-
	14.000.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	1.452.004.369
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	42.465.753	-
	42.465.753	1.452.004.369
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	16.695.096.000	1.705.077.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	500.000	1.471.576.000
	16.695.596.000	3.176.653.200
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	115.384.332	334.443.986
Các cổ đông khác	3.442.957.307	3.107.615.182
	3.558.341.639	3.442.059.168

**30 CAM KẾT VỀ CHỈ TIÊU TẠO LẬP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Các cam kết về chỉ tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	-	767.436.525.924


**31 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**32 NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa có hướng dẫn từ cơ quan chức năng về dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2020.

  
 Nguyễn Tiến Bằng  
 Kế toán trưởng/Người lập

  
  
 Trịnh Vinh Thanh  
 Giám đốc